

CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh;
 - Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh.

Tên công ty: Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

Trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84.8) 39111301 Fax: (84.8) 39111300

Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Việt Anh

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.


Điện thoại: (84.8) 39111301 Fax: (84.8) 39111300

Loại thông tin công bố:

Bất thường Định kỳ

Căn cứ điểm c Khoản 1, Điều 9, Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán”, Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans) xin trân trọng thông báo nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi gửi: 

- Như trên;
- HĐQT, BKS TCT (để báo cáo);
- Lưu VT, KHĐT (PVH.3b).

Tp. HCM, ngày 12 tháng 04 năm 2018

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Việt Anh

NGHI QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2018 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ vào Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí;

Căn cứ vào Biên bản Hội Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 của Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/BB-VTDK-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2018.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua những nội dung sau:

1) Báo cáo hoạt động năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018 của Hội đồng quản trị (Phụ lục 1).

2) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017 (Phụ lục 2)

3) Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị phê duyệt việc điều chỉnh kế hoạch phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Tổng công ty (Phụ lục 3).

4) Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017. Báo cáo hoạt động năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018 của Ban kiểm soát (Phụ lục 4).

5) Phương án lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 (Phụ lục 5).

6) Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2017, giao cho HĐQT thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết và xử lý các vấn đề phát sinh có liên quan để thực hiện phương án phân phối lợi nhuận theo đúng quy định của pháp luật hiện hành (Phụ lục 6).

7) Báo cáo thực hiện trả thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2017 và Kế hoạch thù lao năm 2018 (Phụ lục 7).

8) Kết quả bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2022 :

1. Bà Nguyễn Thị Kim Anh.

2. Ông Kim Kwang Hyuk.

9) Sửa đổi bổ sung Điều lệ Tổng công ty (Phụ lục 8).

10) Sửa đổi bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty (Phụ lục 9).



Điều 2. HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông quyết nghị trên cơ sở tuân thủ pháp luật của Nhà nước và Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng công ty.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Vận tải dầu khí năm 2018 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 11/04/2018.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Nơi nhận:

- Cổ đông PVTrans
- Các TV HĐQT
- Ban KS, Ban TGD
- Lưu VT, HĐQT V(5b)



PHỤ LỤC 01

*(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ2018 ngày 11/4/2018)*

Báo cáo năm 2017 và Kế hoạch hoạt động năm 2018 của Hội đồng quản trị

10
16
00
V.
)/
1
77
=

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2018

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2017
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ**

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2017:

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị hiện tại của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí bao gồm 06 thành viên, cụ thể như sau:

1. Ông Nguyễn Xuân Sơn - Chủ tịch HĐQT
2. Ông Phạm Việt Anh - Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3. Ông Mai Thế Toàn - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc.
4. Ông Lê Mạnh Tuấn - Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Pacific.
5. Ông Nguyễn Quốc Phương - Ủy viên HĐQT.
6. Ông Phạm Anh Tuấn - Ủy viên HĐQT

Hội đồng quản trị Tổng công ty Vận tải Dầu khí hoạt động theo Quy chế hoạt động của HĐQT và sự phối hợp giữa HĐQT và Tổng giám đốc của Tổng công ty ban hành tại Quyết định số 54/QĐ-VTDK-HĐQT ngày 30/08/2011.

2. Hoạt động của HĐQT Công ty

Theo nhận định và đánh giá thị kinh tế toàn cầu năm 2017 tăng trưởng 3,5% cao hơn mức 3,2% của năm 2016 và dự kiến sẽ tăng trưởng 3,6% trong năm 2018, Trung quốc, Châu Á, Trung Đông và Châu Âu đang tăng cường đầu tư vào cơ sở hạ tầng, năng lượng và công nghiệp... tất cả những yếu tố này là tiền đề giúp cho kinh tế toàn cầu tiếp tục tăng trưởng trong những năm tới. Kinh tế Việt Nam trong năm 2017 tiếp tục có nhiều khởi sắc, tăng trưởng đầu tư, xuất khẩu, sản xuất công nông nghiệp, dịch vụ đã tạo đà GDP tiếp tục tăng trưởng ở mức 6,81%. Tổng công ty PVTrans với tình hình tài chính tốt được tích lũy trong những năm qua, trong bối cảnh thị trường vận tải dư thừa tàu, giá tàu xuống thấp lại là cơ hội để đầu tư phát triển, giữ vững thị phần vận tải trong nước và từng bước phát triển ra thị trường quốc tế trong thời gian tới.

Đánh giá, nhận thức được những thuận lợi, khó khăn của Tổng công ty trong năm 2017, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã tập trung chỉ đạo nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng đại diện các chủ sở hữu trong việc giám sát hoạt động điều hành của Tổng công ty, định hướng phù hợp và chỉ đạo kịp thời đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao phó, trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ Tổng công ty.

Bên cạnh việc thực hiện chức năng quản lý, giám sát công tác điều hành của Ban điều hành, HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng giám đốc tìm kiếm những giải pháp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh năm 2017;

Với tinh thần trách nhiệm cao, đoàn kết, hợp tác thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Cổ đông và Tổng công ty, HĐQT đã triển khai các giải pháp quyết liệt trong công tác quản trị, điều hành của HĐQT chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, và kết quả năm 2017 Tổng công ty đã hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHCĐ giao cả của Công ty mẹ và hợp nhất.

3. Hoạt động của các thành viên HĐQT:

Trong năm, các thành viên HĐQT đã tích cực hoạt động theo chức năng nhiệm vụ đã được phân công, tham gia đầy đủ và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, cụ thể như sau:

3.1 Ông Nguyễn Xuân Sơn - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

- Chịu trách nhiệm chung trong điều hành hoạt động công tác của Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty.

- Chỉ đạo, hỗ trợ, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được phân công của các thành viên HĐQT trong các lĩnh vực như sau.

- Lĩnh vực chiến lược.
- Công tác nhân sự.
- Công tác quản lý vốn.
- Tổ chức và đổi mới, tái cấu trúc doanh nghiệp.
- Việc tuân thủ các tiêu chuẩn quản trị doanh nghiệp.
- Quản lý Người đại diện tại các đơn vị thành viên và các doanh nghiệp khác.
- Chỉ đạo hoạt động của Ban Kiểm toán Nội bộ theo quy chế hoạt động của Ban KTNB.
- Giám sát PSM, PVTrans Hà Nội, Đông Dương, PVTEC
- Thực hiện công việc khác không phân công cho các thành viên HĐQT.

3.2 Ông Phạm Việt Anh - Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc.

- Công tác sản xuất - kinh doanh, phát triển thị trường.
- Công tác tài chính kế toán.
- Công tác đối ngoại, hợp tác kinh doanh.
- Công tác kế hoạch.
- Công tác phát triển nguồn nhân lực.
- Công tác công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- Giám sát Công ty PV Keez.

3.3 Ông Mai Thế Toàn - Thành viên Hội đồng Quản trị.

- Xây dựng, ban hành và thực hiện các Quy chế, Quy định, Định mức quản lý nội bộ.
- Giám sát Công ty Pacific, OFS, PPS.
- Các công việc khác theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.

3.4 Ông Lê Mạnh Tuấn - Thành viên Hội đồng Quản trị.

- Công tác đầu tư.

- Quản lý rủi ro.
- Giám sát Công ty Phương Nam, Gas Shipping, Phương Đông Việt.
- Các công việc khác theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.

3.5 Ông Nguyễn Quốc Phương - Thành viên Hội đồng Quản trị.

- Xây dựng và phát triển thương hiệu.
- Phối hợp các tổ chức Đoàn thể trong Tổng công ty.
- Giám sát Công ty Cửu Long, PVTrans Quảng Ngãi, PVTrans Vũng Tàu.
- Các công việc khác theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.

3.6 Ông Phạm Anh Tuấn - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Công tác đầu tư.
- Công tác quan hệ cổ đông.
- Chỉ đạo hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ theo quy chế hoạt động của Ban KTNB.
- Giám sát PVTrans Hà Nội, Đông Dương, PSM, Công ty Nhật Việt.
- Các công việc khác theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.

4. Các quyết định của HĐQT năm 2017

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý để rà soát lại các hoạt động giám sát điều hành của HĐQT đã thực hiện trong quý và đề ra các kế hoạch hoạt động của tháng, quý tiếp theo, nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2017 của toàn Tổng công ty. Bên cạnh đó, đại diện Hội đồng quản trị thường xuyên tham gia các cuộc họp của Ban Tổng giám đốc với các Ban chức năng, các đơn vị thành viên để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Trên cơ sở kết quả các cuộc họp, Hội đồng quản trị đã ban hành các nghị quyết/quyết định làm cơ sở cho Tổng giám đốc Tổng công ty triển khai thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong năm 2017, Hội đồng Quản trị Tổng công ty đã ban hành 76 Nghị quyết, 8 Quyết định về những vấn đề quan trọng của Tổng công ty như phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2017 của Tổng công ty, phê duyệt kế hoạch mua tàu chở dầu sản phẩm loại 13.000 DWT của Tổng công ty, phê duyệt định biên cán bộ lãnh đạo tại bộ máy điều hành năm 2017, bầu Chủ tịch HĐQT Tổng công ty, phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022, chia cổ tức của Tổng công ty năm 2017, tăng vốn của 1 số đơn vị thành viên...

5. Công tác quản lý, giám sát hoạt động đối với Tổng giám đốc và bộ máy điều hành

Trong năm 2017, HĐQT đã chỉ đạo các bộ phận tuân thủ đầy đủ và kịp thời, đúng hạn việc cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định gồm: Báo cáo chi tiết tình hình SXKD hàng tháng, hàng quý; báo cáo tài chính các quý, năm 2017 và các báo cáo khác theo quy định.

Năm 2017, Ban Tổng giám đốc đã nỗ lực và quyết liệt điều hành mọi mặt hoạt động của Tổng công ty, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ và các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT ban hành. Với các chỉ tiêu đạt được, HĐQT đánh giá Ban điều hành đã hoàn thành được các nhiệm vụ trong năm tài chính 2017, cụ thể là:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực.
- Đảm bảo thu nhập, đời sống người lao động; xây dựng và đào tạo được đội ngũ cán bộ lãnh đạo, người lao động có trình độ phù hợp, nhiệt huyết tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong các năm tiếp theo.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định, chính sách điều hành minh bạch có sự phân công, phân cấp rõ ràng trong bộ máy điều hành.

Tổng công ty hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh mà ĐHĐCĐ đã phê duyệt, tất cả các công ty, đơn vị trực thuộc đều kinh doanh có lãi, kết quả đó chứng tỏ sự cố gắng, nỗ lực và quyết tâm của toàn bộ tập thể Ban Tổng giám đốc và tập thể cán bộ công nhân viên trong Tổng công ty.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được vẫn còn một số hạn chế cần được Ban điều hành khắc phục trong năm 2018 để đảm bảo duy trì tốc độ phát triển Tổng công ty.

6. Công tác đầu tư

Phê duyệt dự án đầu tư tàu chở sản phẩm dầu trọng tải 13.000 DWT (tàu Saturn), Tổng công ty đã triển khai đầu tư mua và nhận tàu vào tháng 6/2017, ngay sau khi nhận tàu đã đưa vào khai thác tuyến Quốc tế với hiệu quả khá tốt.

Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án mua tàu Aframax thay thế tàu Hercules M và dự án đầu tư 02 tàu hàng khô cỡ Panamax vận chuyển than nhập khẩu cho các nhà máy nhiệt điện (hiện đang hoàn thiện các thủ tục đầu tư theo quy định).

Phê duyệt việc tăng vốn, đầu tư góp vốn vào NVTrans và tăng vốn cho Công ty CP Vận tải dầu Phương Đông Việt để duy trì tỷ lệ sở hữu 51%/VĐL tại hai Công ty này.

Phê duyệt và chỉ đạo Người đại diện của Tổng công ty tại các Công ty thành viên phê duyệt một số dự án đầu tư tại Công ty thành viên theo thẩm quyền.

7. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017 được trả theo mức đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại ĐHĐCĐ năm 2017, cụ thể như sau

+ Đối với thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách: Thù lao thành viên HĐQT, không chuyên trách được trả theo mức 3.000.000 đồng/người/tháng; Thành viên BKS không chuyên trách 1.500.000 đồng/người/tháng. Tổng số tiền thù lao kiêm nhiệm thực hiện là 180.000.000 đồng.

+ Đối với thành viên HĐQT, BKS chuyên trách và thành viên kiêm nhiệm các chức danh trong bộ máy điều hành Tổng công ty: Tiền lương, tiền thưởng được thực hiện theo Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ, Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ LĐTBXH, Quy chế quản lý tiền lương, thù lao, tiền thưởng tại Quyết định số 829/QĐ-DKVN ngày 28/04/2017 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Quy chế trả thưởng của Tổng công ty và quy định của Nhà nước.

8. Quan hệ cổ đông:

Tổng công ty vẫn duy trì công tác quan hệ với các cổ đông, tiếp xúc và cung cấp các thông tin cho cổ đông theo yêu cầu và tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước và Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị của Tổng công ty.

Các cổ đông đều được thông báo đầy đủ các thông tin liên quan đến công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 góp phần vào thành công của Đại hội.

II. PHƯƠNG HƯỚNG TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018

1. Các chỉ tiêu kế hoạch tài chính hợp nhất năm 2018:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018
1	Doanh thu	Tỷ đồng	5.250
2	Chi phí	Tỷ đồng	4.810
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	440
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	357

2. Các chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ năm 2018.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018
1	Doanh thu	Tỷ đồng	2.100
2	Chi phí	Tỷ đồng	1.830
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	270
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	225

3. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2018:

Theo nhận định và đánh giá của các chuyên gia, thị trường vận tải Quốc tế vẫn tiếp tục khó khăn, mặc dù giá dầu thô đã phục hồi 1/3 giá trị sau khi chạm đáy vào tháng 6/2017 và dự kiến chỉ dao động trong khoảng 61~ 64 USD/thùng. Các nguồn năng lượng mới được tăng cường sử dụng đã làm suy giảm nhu cầu vận chuyển, cùng với đó là tình trạng mất cân bằng và dư thừa tàu, đã tạo ra áp lực và thách thức không nhỏ cho công tác khai thác, tìm kiếm nguồn hàng vận chuyển chủ tàu nói chung và cho đội tàu của Tổng công ty nói riêng.

Kinh tế Việt Nam năm 2018 dự báo tiếp tục có nhiều khởi sắc tạo đà GDP tiếp tục tăng trưởng ở mức trên 6,5% nhưng ngành vận tải biển Việt Nam vẫn tồn tại rất nhiều khó khăn, bất ổn. Các công ty vận tải biển lớn vẫn trong đà suy yếu, năng lực tài chính không đủ để tiếp tục đầu tư phát triển và nguy cơ mất dần thị phần vận tải biển tại Việt Nam là rất lớn, NMLHD Nghi Sơn đi vào hoạt động từ giữa năm 2018 khi đó nhu cầu vận tải hàng lỏng sẽ tăng lên đáng kể.

Do đó để đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định và bền vững, HĐQT đề ra kế hoạch hoạt động năm 2018 gồm các nội dung sau:

➤ Chỉ đạo xây dựng, trình ĐHCĐ thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, cũng như tiếp tục quyết liệt chỉ đạo, triển khai thực hiện kế hoạch sau khi được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua, trong đó chú trọng chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh cụ thể như sau.

+ Đối với lĩnh vực vận chuyển dầu thô, vận tải dầu sản phẩm, hóa chất: Phân đầu vận chuyển tối đa cho các nhà máy lọc hóa dầu có phần góp vốn của Tập đoàn.

+ Đối với lĩnh vực vận tải sản phẩm khí hóa lỏng LPG: Tập trung vận chuyển cho các

nhà máy/tổ hợp lọc hóa dầu có phần góp vốn của Tập đoàn.

+ Đối với lĩnh vực vận tải than: Phần đầu đảm nhận vận chuyển tối đa khối lượng than đầu vào cho các Nhà máy nhiệt điện của Tập đoàn, tham gia vận chuyển than cho các nhà máy điện của ngành điện.

+ Đối với lĩnh vực dịch vụ hàng hải dầu khí (FSO/FPSO): Cùng cố, duy trì, nâng cao chất lượng dịch vụ vận hành và bảo dưỡng (O&M). Tích cực làm việc với Tập đoàn để cung cấp thêm một FSO/FPSO cho các dự án phát triển mỏ của Tập đoàn.

+ Đối với dịch vụ quản lý kỹ thuật tàu và cung ứng thuyền viên: Đào tạo đội ngũ cán bộ thuyền viên, đặc biệt là đào tạo chuyên sâu về chuyên môn, kiến thức luật hàng hải quốc tế, ngoại ngữ... đáp ứng đầy đủ được yêu cầu dịch vụ trong nước và quốc tế.

➤ Thực hiện công tác quản lý, giám sát công tác điều hành của Tổng giám đốc trong việc thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, đồng thời chỉ đạo, phối hợp Ban điều hành đưa ra các giải pháp đầu tư phát triển đội tàu nâng cao năng lực vận chuyển tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững và ổn định của Tổng công ty trong tương lai.

➤ Đẩy mạnh công tác tái cấu trúc, triệt để giải quyết các tồn tại, khó khăn của Tổng công ty và các đơn vị thành viên để nâng cao năng lực vận chuyển, tái cấu trúc đội tàu, tăng năng lực cạnh tranh đáp ứng cơ hội phát triển của PV Trans trong giai đoạn sắp tới. Chỉ đạo ban điều hành tập trung nghiên cứu, tính toán và triển khai các dự án đầu tư, trong đó chú trọng triển khai dự án đầu tư tàu Aframax thay thế tàu Hercules M.

➤ Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy chế quản lý, quản trị doanh nghiệp phù hợp với quy định của Điều lệ Tổng công ty và Nhà nước. Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ, coi đây là công cụ quản lý quan trọng Tổng công ty.

➤ Xây dựng, tuyển dụng và đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực quản lý, quản trị doanh nghiệp và nhân lực có chuyên môn cao. Đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển của Tổng công ty.

➤ Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông cũng như quyền lợi và điều kiện làm việc của người lao động trong Tổng công ty. Thực hiện các giải pháp khuyến khích để Người lao động hăng say cống hiến, phát huy trí lực, toàn tâm vì sự phát triển vững mạnh của Tổng công ty.

➤ Thực hiện những nhiệm vụ khác do Đại hội đồng cổ đông giao.

III. KẾT LUẬN

Phát huy những thành quả đạt được trong năm 2017, với sự đoàn kết, sáng tạo và quyết tâm của Hội đồng Quản trị, tập thể ban lãnh đạo Tổng công ty cùng sự nỗ lực của toàn thể CBCNV Tổng công ty Vận tải Dầu khí, Hội đồng quản trị tin tưởng sẽ hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 giao và tiếp tục đưa Tổng công ty đạt được những thành quả lớn hơn nữa, đảm bảo sự phát triển ổn định lâu dài của Tổng công ty và không ngừng gia tăng các lợi ích cho các cổ đông.

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC 02

*(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ2018 ngày 11/4/2018)*

**Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017
và Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017**

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
 VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2017**

1. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

Trên cơ sở Nghị quyết số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ ngày 05/04/2017 về việc thông qua các nội dung ĐHĐCĐ năm 2017 của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PV Trans), PV Trans đã tiến hành ký kết hợp đồng kiểm toán với Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam và Báo cáo tài chính năm 2017 của Tổng công ty được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán đã hoàn thành (đính kèm).

2. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017:

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất và Công ty mẹ đã được kiểm toán của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí thì kết quả sản xuất kinh doanh của PV Trans trong năm 2017 như sau:

2.1. Kết quả thực hiện kế hoạch toàn Tổng công ty (hợp nhất):

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	TH/KH năm 2017
1	Doanh thu	5.013	6.357	127%
2	Lợi nhuận trước thuế	400	671	168%
3	Lợi nhuận sau thuế	328	534	163%
4	Nộp ngân sách Nhà nước	240	348	145%

2.2. Thực hiện kế hoạch Công ty mẹ:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	TH/KH năm 2017
1	Vốn điều lệ	2.814,4	2.814,4	100%
2	Doanh thu	2.015,7	2.597,7	129%
3	Lợi nhuận trước thuế	250,4	488,4	195%
4	Lợi nhuận sau thuế	210,4	393,0	187%
5	Tỷ suất LNST/VĐL	7,5%	14%	187%
6	Nộp ngân sách Nhà nước	125	224,9	180%

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 03

*(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ2018 ngày 11/4/2018)*

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.



Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2018

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

1. Các chỉ tiêu kế hoạch toàn Tổng công ty (hợp nhất):

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	5.250,0
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	440,0
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	357,0
4	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	209,3

2. Các chỉ tiêu kế hoạch Công ty mẹ:

2.1 Kế hoạch tài chính:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	2.814,4
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.100,0
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	270,0
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	225,0
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	107,9

2.2 Kế hoạch đầu tư và mua sắm trang thiết bị của Công ty mẹ PV Trans:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch
I	Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	1.515,7
1	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	1.288,0
2	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	18,7
3	Đầu tư góp vốn vào các đơn vị thành viên	Tỷ đồng	209,0
II	Nguồn vốn	Tỷ đồng	1.515,7
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	711,0
2	Vốn vay + khác	Tỷ đồng	804,7

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ NĂM 2018
CỦA CÔNG TY MẸ

Stt	Tên dự án	3	4	5	6	7	Trong đó	
							Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác
1	2						8	9
	Tổng cộng (=A+B+C)	Tỷ đồng				1.515,7	711,0	804,7
	<i>Ngoại tệ</i>	<i>Tr. USD</i>				<i>56,0</i>	<i>21,1</i>	<i>34,9</i>
	<i>Nội tệ</i>	<i>Tỷ đồng</i>				<i>227,7</i>	<i>227,7</i>	
A	Các dự án							
I	Dự án nhóm B							
I.1	Đầu tư tàu chở dầu thô loại Aframax	Tr. USD	2018	2018	HDQT	20,0	7,5	12,5
I.2	Đầu tư tàu chở hàng rời khoảng 50.000-80.000DWT	Tr. USD	2018	2018	HDQT	18,0	6,8	11,2
I.3	Đầu tư tàu chở hàng rời khoảng 50.000-80.000DWT	Tr. USD	2018	2018	HDQT	18,0	6,8	11,2
B	Đầu tư tài chính							
1	Góp vốn duy trì tỷ lệ sở hữu 51% Vốn điều lệ tại Công ty Phương Đông Việt	Tỷ đồng	2018	2018	HDQT	56,0	56,0	0
2	Góp vốn duy trì tỷ lệ sở hữu 51% Vốn điều lệ tại Công ty Nhật Việt	Tỷ đồng	2018	2018	HDQT	153,0	153,0	0
C	Mua sắm trang thiết bị							
	Mua sắm tài sản trang thiết bị của PV Trans	Tỷ đồng	2018	2018	Phân cấp của TCT	18,7	18,7	0

PHỤ LỤC 04

*(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ2018 ngày 11/4/2018)*

Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017; Báo cáo hoạt động năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018 của Ban Kiểm soát.

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

**PHẦN I
KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2017**

I. Hoạt động của Ban kiểm soát:

1. Về tổ chức:

Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí có 03 thành viên và được phân công công việc cụ thể như sau: Trưởng ban phụ trách chung và 02 thành viên còn lại theo dõi các hoạt động khác do Trưởng ban giao.

Nhân sự Ban Kiểm soát bao gồm:

- Ông Thái Ngọc Lân, Trưởng ban kiểm soát (chuyên trách).
- Ông Phạm Văn Hưng, Kiểm soát viên (kiêm nhiệm).
- Ông Nguyễn Văn Hòa, Kiểm soát viên (kiêm nhiệm).

2. Hoạt động của từng thành viên Ban kiểm soát:

2.1. Hoạt động của Trưởng ban kiểm soát (Thái Ngọc Lân):

- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty.
- Theo dõi, giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, tình hình ban hành và thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Tổng công ty.
- Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm và báo cáo tài chính kiểm toán năm của Tổng công ty.
- Theo dõi, kiểm tra và giám sát tình hình thực hiện và xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra của Cơ quan quản lý Nhà nước và các đoàn kiểm tra nội bộ.
- Kiểm tra việc thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật, biện pháp tiết kiệm chi phí của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.
- Phối hợp với các phòng ban chức năng Tổng công ty kiểm tra, kiểm soát tình hình thực hiện các dự án đầu tư, quyết toán dự án đầu tư của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện công tác quản vốn, tài sản, dòng tiền của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.
- Thực hiện các Báo cáo quản lý vốn hàng quý.
- Tổ chức các cuộc Họp Ban kiểm soát và lấy phiếu ý kiến của các Kiểm soát viên.
- Tham gia và cử nhân sự tham gia Đoàn kiểm tra của Tổng công ty tại các Đơn vị

Thành viên.

2.2. Hoạt động của Kiểm soát viên Phạm văn Hưng (Kiêm nhiệm):

- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 (Thông qua các Báo cáo đơn vị gửi Tập Đoàn, Kiểm tra việc thực hiện qua kiểm tra các Công ty con).
- Theo dõi, giám sát việc thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp của Tổng công ty (Thông qua việc kiểm tra các đơn vị thành viên).
- Kiểm tra các quy trình, quy chế trong Tổng công ty.
- Phối hợp tham gia thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm và báo cáo tài chính kiểm toán năm của Tổng công ty.
- Tham gia Đoàn kiểm tra của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên theo sự phân công của Trường ban Kiểm soát.
- Thay mặt Trường ban Kiểm soát báo cáo tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 theo ủy quyền của Trường ban Kiểm soát.

2.3. Hoạt động của Thành viên Nguyễn văn Hòa (Kiêm nhiệm):

- Phối hợp kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện công tác quản vốn, tài sản, dòng tiền của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.
- Phối hợp tham gia thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm và báo cáo tài chính kiểm toán năm của Tổng công ty.

3. Hoạt động của Ban kiểm soát:

3.1. Hoạt động chung của Ban kiểm soát năm 2018:

- Trong năm 2017, Ban kiểm soát 03 lần họp ban kiểm soát và 01 lần gửi phiếu lấy ý kiến các thành viên.
- Lần họp thứ nhất: Thống nhất đề ông Nguyễn văn Hòa tiếp tục ứng cử Ban Kiểm soát Tổng Công ty nhiệm kỳ mới.
- Lần họp thứ hai: Thông qua việc bầu ông Thái Ngọc Lân làm Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ mới 2017-2023.
- Lần họp thứ ba: Thẩm định Báo cáo tài chính quý 1 và giới thiệu Trường ban kiểm soát nhiệm kỳ mới.
- Ban kiểm soát đã thực hiện 04 Báo cáo kiểm tra giám sát, 11 Biên bản kiểm tra và các công văn, biên bản khác.
- Ban kiểm soát đã hoạt động bám sát các nội dung được thông qua tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017; các quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Pháp luật Nhà nước và các quy chế, nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.
- Ban kiểm soát chưa phát hiện hiện tượng vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty trong quá trình sản xuất kinh doanh.

3.2. Kiểm soát hoạt động quản lý và điều hành Tổng công ty:

a. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Tổng công ty gồm có 06 thành viên được Đại hội đồng cổ đông thường niên bầu năm 2017. Các thành viên của Hội đồng quản trị đã hoạt động tích cực

với tinh thần trách nhiệm cao, đưa ra những quyết định chỉ đạo kịp thời. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2017.

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị thông qua các cuộc họp định kỳ, đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định để thực thi nhiệm vụ quản lý điều hành các hoạt động của Tổng Công ty chủ yếu gồm:

- Phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2017 của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí và các ĐVTV.
- Phê duyệt KH SXKD giai đoạn 2016-2020 của các ĐVTV.
- Phê duyệt chủ trương tạm ứng cổ tức của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội.
- Phê duyệt chủ trương bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt.
- Chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội Cổ đông thường niên năm 2017.
- Phê duyệt công tác tổ chức cán bộ, định biên lao động, đơn giá tiền lương năm 2016 của Tổng công ty và các ĐVTV.
- Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành- Dự án chuyển đổi tàu dầu thô 105.000 DWT thành FSO của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương.
- Phê duyệt chủ trương lựa chọn cổ đông góp vốn của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội.
- Bầu chủ tịch HĐQT Tổng công ty sau bầu thành viên HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.
- Một số nội dung liên quan đến việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông năm 2017 của các Đơn vị thành viên, Công ty liên kết của PV Trans.
- Phê duyệt và ban hành "Quy định về chế độ công tác phí, học tập của Tổng công ty CP vận tải Dầu khí.
- Lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2017 của PV Trans.
- Phê duyệt chủ trương chuyển đổi hợp đồng mua bán USD của Công ty CP Vận tải dầu khí Phương Nam.
- Gia hạn Thỏa thuận nguyên tắc số 12/HD2015/PVT-PVO với Tổng Công Dầu Việt Nam.
- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị để các thành viên tập trung thực hiện các công việc của Tổng công ty có liên quan đến lĩnh vực cá nhân thành viên đó phụ trách.
- Xếp nhóm các đơn vị thành viên của PV Trans căn cứ theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016.
- Phê duyệt kế hoạch mua, kết quả lựa chọn tàu, lựa chọn ngân hàng tài trợ và phương án kinh doanh dự tàu chở dầu sản phẩm 13.000 DWT.
- Triển khai chia cổ tức bằng tiền năm 2016 của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí.
- Trích lập Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi năm 2016 của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí.

- Điều chỉnh bổ sung quy hoạch cán bộ đến 2020 và giai đoạn 2020-2025.
- Ký hợp đồng với POVO.
- Chủ trương tăng vốn điều lệ giai đoạn 2016-2020 của Công ty Phương Đông Việt.
- Chủ trương cho Công ty Gas Shipping thuê tàu ngoài.
- Mở bảo lãnh dự thầu gói thầu vận chuyển dầu thô cho NMLD Dung quất.
- Điều chỉnh bổ sung dự án mua tàu LPG 3.500 – 4.000 DWT của Công ty Nhật Việt.
- Điều chỉnh bổ sung dự án mua tàu LPG 3.500 – 4.000 CBM của Công ty Gas Shipping.
- Sửa đổi mẫu văn bản ủy quyền ký với Người đại diện của PVTrans tại DN khác.
- Phê duyệt báo cáo hoạt động năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018 của Ban KTNB.
- Phê duyệt chủ trương ký hợp đồng vận chuyển dầu thô cho NMLD Dung Quất.

Trong quá trình hoạt động, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Tổng Giám đốc trong việc thực thi nhiệm vụ mà ĐHCĐ thông qua, bám sát chiến lược mà Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam phê duyệt. HĐQT luôn tuân thủ Điều lệ Tổng công ty, luật pháp nhà nước. Đồng thời, đoàn kết với Ban điều hành cùng hợp tác nhằm đưa ra các giải pháp hữu hiệu giúp công ty vượt qua những khó khăn.

b. Đối với Tổng giám đốc điều hành:

Cùng với HĐQT, Tổng Giám đốc Tổng công ty có những chỉ đạo rất sát sao và quyết liệt trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Tổng Giám đốc đã có nhiều nỗ lực đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành quản lý và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của Tổng công ty, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và các chế độ chính sách cho người lao động.
- Tổng Giám đốc Tổng công ty đã có những giải pháp quyết liệt để chấn chỉnh và nâng cao công tác quản lý, nâng cao hiệu quả SXKD và chủ động có nhiều giải pháp cả về thị trường, đa dạng hóa dịch vụ, xử lý tài chính, tiết kiệm chi phí, hợp lý hóa sản xuất tái cấu trúc mô hình quản lý, tái cấu trúc tài sản xấu, nâng cao năng lực quản lý kỹ thuật tàu thay thế công ty nước ngoài... Tập thể Tổng công ty có sự đoàn kết, nhất trí cao đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, khắc phục những khó khăn, quyết tâm duy trì, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Trans trong giai đoạn khó khăn hiện nay.
- Thực hiện quyết liệt công tác tiết kiệm, chống lãng phí và đặc biệt là kiểm soát các định mức tiêu hao nhiên liệu, định mức hao hụt hàng hoá, kiểm soát chặt chẽ ngân sách cho từng tàu, từng đơn vị...
- Giao cho các Đơn vị chủ động đề xuất phương án sản xuất kinh doanh các giải pháp vượt khó khăn để hoàn thành kế hoạch được giao. Lãnh đạo Tổng công ty tập trung chỉ đạo tháo gỡ từng khó khăn, hỗ trợ cho đơn vị.
- Phối hợp với các tổ chức Đảng, đoàn thể trong Tổng công ty để nâng cao hiệu quả điều hành và đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

3.3. Kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Tổng công ty:

a. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Có thể nói năm 2017 là một năm còn nhiều khó khăn với PV Trans nói riêng và lĩnh vực vận tải biển nói chung.

Tuy nhiên, PV Trans đã nỗ lực hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu được giao cả của Công ty mẹ và hợp nhất.

a.1. Kết quả đạt được (Theo báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán) cụ thể như sau:

Số liệu hợp nhất:

- Doanh thu và thu nhập khác: 6.357 tỷ đồng (đạt 127 % kế hoạch);
- Lợi nhuận trước thuế: 671 tỷ đồng (đạt 168 % kế hoạch);
- Lợi nhuận sau thuế: 534 tỷ đồng (đạt 163 % kế hoạch);
- Nộp ngân sách Nhà nước: 348 tỷ đồng (đạt 145 % kế hoạch).

Số liệu Công ty mẹ:

- Doanh thu và thu nhập khác: 2.598 tỷ đồng (đạt 129 % kế hoạch);
- Lợi nhuận trước thuế: 488,4 tỷ đồng (đạt 195 % kế hoạch);
- Lợi nhuận sau thuế: 393,0 tỷ đồng (đạt 187 % kế hoạch);
- Nộp ngân sách Nhà nước: 224,9 tỷ đồng (đạt 180% kế hoạch).

Trong năm 2017, PV Trans đã có sự chỉ đạo toàn diện để không những Công ty mẹ mà cả các công ty thành viên đều hoạt động ổn định. Tất cả các đơn vị thành viên đều hoạt động có lãi và hoàn thành kế hoạch được giao.

a.2. Hoạt động sản xuất kinh doanh:

- PV Trans đã đảm nhiệm tốt vai trò đầu mối vận chuyển dầu thô, dầu sản phẩm, LPG... góp phần đảm bảo hoạt động ổn định liên tục cho Mỏ Bạch Hổ, Nhà máy Lọc dầu Dung Quất; Tham gia vận chuyển than cho Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1.
- Vận chuyển an toàn, hiệu quả hơn 8,2 triệu tấn hàng lỏng các loại ở trong nước, trong đó: vận chuyển 78 chuyến dầu thô đầu vào cho Nhà máy Lọc dầu Dung Quất với tổng khối lượng vận chuyển là 6,06 triệu tấn; Vận chuyển 271 chuyến dầu sản phẩm cho PV Oil và các khách hàng khác với khối lượng hơn 1,15 triệu m³; Vận chuyển LPG an toàn, kịp thời cho các khách hàng trong nước và quốc tế được 1.087 chuyến hàng với khối lượng khoảng 1,046 triệu tấn hàng sản phẩm khí các loại, tăng 20% so với năm 2016.
- Ngoài việc phục vụ cho thị trường vận tải nội địa, PV Trans tiếp tục khai thác trung bình 8 - 10 tàu tại thị trường quốc tế.
- Bên cạnh đó, PV Trans đã tham gia vận chuyển cho NMNĐ Vũng Áng 1, Duyên Hải 1 và chuyển tải NMNĐ Duyên Hải 3 với tổng sản lượng khoảng 1,28 triệu tấn và đang làm việc với các bên liên quan để xây dựng các phương án và tuyến vận chuyển cho NMNĐ Thái Bình 1&2/Long Phú 1 & Sông Hậu 1.
- Dịch vụ tàu FSO: PV Trans tiếp tục vận hành ổn định, an toàn tàu FSO PVN Đại Hùng Queen tại mỏ Đại Hùng, góp phần vào hoạt động khai thác an toàn và ổn định của mỏ Đại Hùng.
- Đối với việc quản lý vận hành tàu FPSO Lewek Emas tại Mỏ Chim Sáo, PV Trans tiếp tục duy trì số lượng nhân sự vận hành trên tàu, cũng như quản lý trên bờ với



99% người Việt Nam do PV Trans cung cấp, điều hành.

- Triển khai thực hiện hợp đồng dịch vụ O&M với chủ tàu FPSO Sông Đốc (MV 19).

- Tiếp tục duy trì ổn định hoạt động vận tải đường bộ bao gồm đội xe văn phòng, đội xe container và đội xe bồn vận chuyển xăng dầu/LPG, tham gia vận chuyển CNG cho khách hàng CNG Việt Nam và Công ty Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc.

b. Công tác Tài chính kế toán/Quản trị:

- Các báo cáo tài chính hàng quý của Tổng công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Tổng công ty tại từng thời điểm, đồng thời phù hợp với các chuẩn mực chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý liên quan.

- Công tác quản trị được hoàn thiện. Hệ thống kế toán quản trị của PV Trans được đánh giá tốt.

- Hiện tại, PV Trans đang là đơn vị vận tải biển có giá trị vốn hóa lớn nhất trên sàn HSX và là đơn vị vận tải có năng lực đội tàu chở hàng lỏng lớn nhất Việt Nam, được nhiều nhà đầu tư/các quỹ trong và ngoài nước quan tâm giao dịch với khối lượng lớn. Trong năm 2017, PVTrans tiếp tục được Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam (VNR) bình chọn xếp hạng 143/500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.

c. Công tác xây dựng và thực hiện các quy định của Tổng công ty:

Tổng công ty đã chú trọng xây dựng và ban hành các Quy chế, Quy định quản lý nội bộ và điều hành doanh nghiệp. Tổng công ty luôn duy trì sửa đổi hiệu chỉnh bản Thỏa ước lao động tập thể và Nội quy lao động theo đúng pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị, nhằm đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ cho người lao động.

II. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2017:

Ban kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính của Tổng công ty các quý trong năm tài chính 2017, kết thúc 31/12/2017 và thống nhất xác nhận kết quả cụ thể như sau:

- Báo cáo tài chính đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Tổng công ty, và được trình bày theo các mẫu báo cáo được quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

- Báo cáo đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2017.

- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế theo chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

- Tổng công ty đã thực hiện báo cáo và công bố các thông tin bất thường, định kỳ theo qui định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

III. Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành:

Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với các đoàn kiểm tra của Tổng công ty triển khai công tác kiểm tra, giám sát tại các đơn vị thành viên cũng như tại bộ máy điều hành Tổng công ty. Qua các cuộc kiểm tra, Ban kiểm soát thông báo kết quả công tác kiểm tra, giám sát với Hội đồng quản trị và Ban điều hành để có những biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.

Hội đồng quản trị Tổng công ty đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết

định của Hội đồng quản trị và các hồ sơ tài liệu theo yêu cầu cho Ban kiểm soát.

Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty khi có yêu cầu.

Trong năm, Hội đồng quản trị Tổng công ty, Ban kiểm soát và Ban điều hành của Tổng công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, hỗ trợ cho Ban kiểm soát thực hiện chức trách nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

IV. Kết luận và kiến nghị:

1. Kết luận:

Các thành viên trong Ban Kiểm soát đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực thi nhiệm vụ, đã thể hiện được tính trung thực, khách quan trong công việc. Tuy nhiên, trong điều kiện môi trường kinh doanh luôn thay đổi, hoạt động kinh doanh còn tiềm ẩn những rủi ro ngoài tầm kiểm soát thì công tác kiểm soát cũng không tránh khỏi những tồn tại mà Ban Kiểm soát cần phải quan tâm, nỗ lực và hoàn thiện hơn nữa trong thời gian tới.

Để đảm bảo công tác quản lý điều hành của Tổng công ty được tốt hơn trong nhiệm kỳ tới, cần tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng công ty.

2. Kiến nghị:

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, rà soát sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định cho phù hợp với Điều lệ mới của Tổng công ty được sửa đổi theo quy định của Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 và Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017.

- Xem xét việc đầu tư góp vốn vào các đơn vị thành viên, đầu tư các dự án tàu để kịp thời nắm bắt các cơ hội kinh doanh, nâng cao năng lực vận chuyển và mở rộng thị phần; nâng cao hiệu quả SXKD của Tổng công ty và các đơn vị; nâng cao hiệu quả đầu tư vốn của Tổng công ty tại đơn vị; duy trì tỷ lệ sở hữu, quyền kiểm soát của PV Trans tại các đơn vị thành viên thuộc ngành nghề kinh doanh cốt lõi.

- Tiếp tục rà soát hoàn thiện các định mức kinh tế - kỹ thuật để làm căn cứ kiểm soát.

PHẦN II

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

Căn cứ vào tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2017 và Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty năm 2018. Ban kiểm soát xin đề ra Kế hoạch hoạt động của Ban năm 2018 như sau:

- Giám sát việc chấp hành Điều lệ Tổng công ty, pháp luật Nhà nước. Giám sát tình hình thực hiện các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty và các quy chế quản lý nội bộ của PV Trans.

- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, Kế hoạch phát triển và tái cơ cấu giai đoạn 2016 – 2020.

- Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị năm 2018. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của PV Trans.

- Theo dõi, kiểm tra và giám sát tình hình thực hiện và xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra.

- Kiểm tra việc thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật, biện pháp tiết kiệm chi phí (Kết hợp kiểm tra tại các đơn vị thành viên).

- Phối hợp với các phòng ban chức năng kiểm soát hồ sơ dự án đầu tư năm 2018.

- Theo dõi, giám sát việc thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp của Tổng công ty.

- Kiểm tra việc cân đối vốn và quản lý dòng tiền.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước, với Tập đoàn, với kiểm soát viên tại các đơn vị, trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý tại đơn vị thành viên của Tổng công ty.

- Thực hiện báo cáo theo Quy chế quản lý vốn của Tập Đoàn.

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 05

*(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ2018 ngày 11/4/2018)*

Lựa chọn công ty kiểm toán năm 2018

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2018

LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP NĂM 2018

- Thông qua danh sách 3 Công ty kiểm toán độc lập (sắp xếp theo thứ tự a,b,c) để HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính của PV Trans trong năm 2018, cụ thể:

a/ Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;

b/ Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;

c/ Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A & C.

- Ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong ba Công ty kiểm toán nêu trên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm; soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của năm tài chính 2018 theo quy định hiện hành.

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 06

*(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ2018 ngày 11/4/2018)*

Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2017

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng ... năm 2018

**PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN
VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ NĂM 2017**

Đơn vị tính: VND

Stt	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (MS 420):	396.721.457.462	
1	Các năm trước để lại	3.744.295.037	
2	Năm 2017	392.977.162.425	
II	Lợi nhuận sau thuế được phân phối:	383.616.224.231	
1	Cổ tức bằng tiền mặt (10% vốn điều lệ)	281.442.162.000	10% x VDL
2	Quỹ đầu tư phát triển	78.595.432.485	= I.2 x 20%
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Bao gồm : Khen thưởng Ban điều hành TCT 1%)	23.578.629.746	= I.2 x 6%
III	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để lại:	13.105.233.231	= I - II

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 07

*(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ2018 ngày 11/4/2018)*

**Thù lao của HĐQT, BKS trong năm 2017
và Kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS năm 2018**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH 2018

I. Tình hình thực hiện thù lao, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT, BKS năm 2017:

1. Thù lao của HĐQT, KSV không chuyên trách:

Mức thù lao của thành viên HĐQT và Kiểm soát viên không chuyên trách được ĐHCĐ năm 2017 phê duyệt lần lượt là 3 triệu đồng/người/tháng và 1,5 triệu đồng/người/tháng, tổng số tiền thù lao không chuyên trách của thành viên HĐQT (04 người) và Kiểm soát viên (02 người) năm 2017 là 180 triệu đồng.

Thù lao thực hiện của HĐQT không chuyên trách so với kế hoạch tăng thêm 72 triệu đồng là phần thù lao kiêm nhiệm của Tổng giám đốc và 01 Phó TGD kiêm TV HĐQT.

2. Thù lao của HĐQT, KSV chuyên trách:

Mức thù lao của TV HĐQT, KSV chuyên trách được thực hiện theo Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ, Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ LĐTBXH, Quy chế trả lương trả thưởng của Tổng công ty. Mức tiền lương, tiền thưởng của thành viên HĐQT chuyên trách (02 người) là 1.998.947.216 đồng và Kiểm soát viên chuyên trách (01 người) là 849.489.957 đồng.

II. Kế hoạch thù lao, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT, BKS năm 2018:

Trên cơ sở nhân sự HĐQT, BKS năm 2018; Căn cứ Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ, Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ LĐTBXH, Quy chế trả lương trả thưởng của Tổng công ty, Tổng công ty PVTrans báo cáo ĐHCĐ kế hoạch thù lao, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT, BKS năm 2018 như sau:

+ Thù lao Thành viên HĐQT không chuyên trách : 3.000.000 đồng/người/tháng;

+ Thù lao Thành viên BKS không chuyên trách : 2.000.000 đồng/người/tháng.

Tổng số tiền thù lao của Thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách dự kiến: 192.000.000 đồng.

+ Tiền lương, tiền thưởng của Thành viên HĐQT, BKS chuyên trách và thành viên kiêm nhiệm các chức danh trong bộ máy điều hành Tổng công ty: thực hiện theo Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ, Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ LĐTBXH và Quy chế về quản lý tiền lương của PVTrans.

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 08

*(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ2018 ngày 11/4/2018)*

Điều lệ Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI DẦU KHÍ
(PV TRANS)**

ĐIỀU LỆ

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI DẦU KHÍ**



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 4 năm 2018

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
II. TÊN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	4
Điều 2. Tên, người đại diện theo pháp luật, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty	4
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY ..	5
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty	5
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	5
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	6
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần	6
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	6
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	7
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	7
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA TỔNG CÔNG TY	7
Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty	7
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	7
Điều 10. Quyền của cổ đông	7
Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông	8
Điều 12. Đại hội đồng cổ đông.....	9
Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 14. Đại diện theo ủy quyền.....	11
Điều 15. Thay đổi các quyền.....	12
Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	18
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	18
Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị.....	18
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	19
Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị	20
Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 26. Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 27. Chủ tịch Hội đồng Quản trị	22
Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị	23
Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	25
Điều 30. Người phụ trách quản trị Tổng công ty	25
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY	26
Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý	26
Điều 32. Người điều hành Tổng công ty	26
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	26
IX. BAN KIỂM SOÁT	27

Điều 34. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	27
Điều 35. Kiểm soát viên	27
Điều 36. Ban Kiểm soát.....	28
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY	29
Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng	29
Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	29
Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	31
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY	31
Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	31
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	32
Điều 41. Công nhân viên và công đoàn.....	32
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	32
Điều 42. Phân phối lợi nhuận	32
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	32
Điều 43. Tài khoản ngân hàng.....	32
Điều 44. Năm tài chính.....	33
Điều 45. Chế độ kế toán	33
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	33
Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	33
Điều 47. Báo cáo thường niên	33
XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY	34
Điều 48. Kiểm toán.....	34
XVII. CON DẤU	34
Điều 49. Con dấu	34
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	34
Điều 50. Chấm dứt hoạt động.....	34
Điều 51. Thanh lý	34
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	35
Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	35
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	35
Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	35
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	35
Điều 54. Ngày hiệu lực.....	35

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí tổ chức chính thức vào ngày 11 tháng 4 năm 2018.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;
 - b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có);
 - c. "Luật chứng khoán" là luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;
 - e. "Người điều hành Tổng công ty" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty;
 - f. "Người quản lý khác" là người được Hội đồng Quản trị Tổng công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo các quy định tại các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;
 - g. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán;
 - h. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty
 - i. Cổ đông của Tổng công ty là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty;
 - j. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;
 - k. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
2. Điều lệ này có tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, người đại diện theo pháp luật, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty

1. Tên Tổng công ty
 - Tên giao dịch: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
 - Tên giao dịch quốc tế: PETROVIETNAM TRANSPORTATION CORPORATION
 - Tên viết tắt: PV TRANS
2. Tổng công ty là Tổng công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật

hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty là:

▪ Địa chỉ: Tầng 2, toà nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

▪ Điện thoại: (84-28) 39111301

▪ Fax: (84-28) 39111300

▪ Website: www.pvtrans.vn

▪ Email: info@pvtrans.com

4. Tổng công ty có một người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc.

5. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ trường hợp giải thể Tổng công ty theo Khoản 2 Điều 50 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty là:

Kinh doanh vận tải dầu thô, các sản phẩm dầu khí, hóa chất, kinh doanh vận tải hàng rời bằng đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương. Tham gia đào tạo và cung ứng thuyền viên cho các tàu vận tải dầu khí. Thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác với các đối tác trong và ngoài nước. Kinh doanh dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, dịch vụ hàng hải khác. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan. Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế. Kinh doanh vận tải hàng hoá, hành khách bằng ô tô, bằng đường thủy nội địa. Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, dầu khí. Dịch vụ kỹ thuật dầu khí. Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt công trình ngầm dầu khí. Dịch vụ sửa chữa đóng mới các công trình dầu khí. Mua bán vật tư, trang thiết bị phục vụ cho ngành dầu khí và vận tải. Dịch vụ sửa chữa tàu biển. Phá dỡ tàu cũ. Dịch vụ đóng mới tàu biển và các công trình dầu khí (không hoạt động tại trụ sở). Hoạt động của cảng biển, bến tàu, cầu tàu. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản). Dịch vụ quản lý, tư vấn quản lý tàu biển. Cung ứng và quản lý nguồn lao động: cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước, cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài, cung ứng lao động tạm thời, cho thuê lại lao động. Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động: kinh doanh dịch vụ, sản phẩm sinh hoạt đời sống cho các hoạt động của ngành dầu khí. Dịch vụ ăn uống khác. Các ngành nghề kinh doanh khác mà pháp luật không cấm.

2. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty: Giữ vững vị trí là Tổng công ty vận tải biển và dịch vụ hàng hải dầu khí đa sở hữu lớn nhất Việt Nam, đồng thời xây dựng phát triển trở thành thương hiệu vận tải mạnh trong khu vực và quốc tế. Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác, thương mại và các dịch vụ trong các ngành nghề kinh doanh nhằm tối đa hóa giá trị cho Tổng công ty và cổ đông. Đảm bảo quyền lợi và điều kiện làm việc tốt cho người lao động và đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Tổng công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh

theo ngành nghề của Tổng công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.

2. Tổng công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề mà luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty là **2.814.401.620.000 VND**.

(Bằng chữ: Hai ngàn tám trăm mười bốn tỷ bốn trăm lẻ một triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành **281.440.162 cổ phần (Hai trăm tám mươi một triệu bốn trăm bốn mươi ngàn một trăm sáu mươi hai cổ phần)** với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phần.

2. Tổng công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm **281.440.162 cổ phần phổ thông (Hai trăm tám mươi một triệu bốn trăm bốn mươi ngàn một trăm sáu mươi hai cổ phần)**, các quyền và nghĩa vụ kèm theo được quy định tại Điều 10, Điều 11 Điều lệ này.

4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng kí mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Tổng công ty quyết định theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Tổng công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Tổng công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát

hành cổ phiếu của Tổng công ty, người sở hữu số cổ phần được ghi tăng số cổ phần tương ứng đã mua trên tài khoản lưu ký chứng khoán hoặc được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới, cổ đông được Tổng công ty cấp lại chứng nhận cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó tuân thủ đúng trình tự pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật doanh nghiệp và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tổng công ty (nếu có).

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ hoặc bị hạn chế chuyển nhượng theo phương án phát hành sẽ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Tổng công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện thông qua các hình thức bỏ phiếu biểu quyết khác theo quy định của pháp luật;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông đó và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của cổ đông đó;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Tổng công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ **10%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất từ sáu (06) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị và/hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 23 và Khoản 1 Điều 34 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký sở hữu cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Các quyền khác được quy định của Pháp luật và tại Điều lệ này

Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và quy chế nội bộ về quản trị của Tổng công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị Tổng công ty làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy định cụ thể của Tổng công ty khi tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ

chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng công ty.

Điều 12. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng Quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Tổng công ty có thể mời đại diện Công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông để giải thích các nội dung liên quan đến Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.

3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
- b. Báo cáo tài chính đã kiểm toán sáu (06) tháng hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty.
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.
- e. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Người điều hành Tổng công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này ;

b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;



c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tổng công ty;
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng Quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình của Tổng công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông của Tổng công ty;
 - l. Quyết định đầu tư, hoặc bán số tài sản Tổng công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
 - m. Quyết định mua lại từ 10% trở lên tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - n. Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

- o. Các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 13 này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của Pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Tổ chức, cá nhân là cổ đông của Tổng công ty có sở hữu ít nhất từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có thể ủy quyền tối đa cho 03 người đại diện. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông Tổng công ty không xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền cho từng người đại diện thì số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng công ty cung cấp hoặc được công chứng theo quy định của pháp luật và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức, cá nhân người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp và tỷ lệ cổ phần tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 14 này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về

một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 15. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có đại diện của cổ đông nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại diện như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ đại diện yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17 và Điều 18 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố bằng phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội

được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn địa chỉ trang thông tin điện tử có toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên trong trường hợp đã xác định được trước ứng viên và thông tin liên quan đến các ứng viên đó;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm việc đề cử ứng viên thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên trong trường hợp chưa xác định trước ứng viên. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, chứng minh thư nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp/thông tin ứng viên (nếu có) theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 và Khoản 1 Điều 34 Điều lệ này.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba thì được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông và đại diện uỷ quyền dự họp, được coi là

hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một (01) phiếu biểu quyết. Nội dung của phiếu biểu quyết bao gồm: họ và tên của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện của cổ đông đó, các vấn đề cần được biểu quyết. Phiếu biểu quyết phải bao gồm các nội dung cần được thông qua tại Đại hội theo chương trình nghị sự đã được thông qua. Khi được phát phiếu biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền phải kiểm tra thông tin, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết nhận được, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu. Phiếu biểu quyết được coi là hợp lệ khi có đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu trên phiếu biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền có quyền quyết định đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến bằng cách đánh dấu theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu vào ô tương ứng với lựa chọn của mình cho từng vấn đề cần biểu quyết trên phiếu biểu quyết.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung trước đó đã biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại Khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ

đồng hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Tổng công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông tán thành:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty so với cơ cấu tổ chức quy định tại Điều 9 Điều lệ này và ngoại trừ thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này và theo quy định tại các quy chế nội bộ của Tổng công ty;
- d. Dự án đầu tư, bán tài sản của Tổng công ty hoặc ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán.

e. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Hội

đồng quản trị và Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị sẽ quyết định phương thức biểu quyết phù hợp với các quy định tại Điều lệ này. Trường hợp biểu quyết theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử của Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.

2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Tổng công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Tổng công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày hoặc thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ

đồng về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và/hoặc tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong vòng 24 giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

5. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại quyết định đó.

Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án xem xét, huỷ bỏ quyết định hoặc một phần nội dung quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 19 Điều lệ này.

2. Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung

thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng Quản trị của Tổng công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Thủ tục Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;
- b. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Tổng công ty;
- d. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có

những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Tổng công ty có thể tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm thành viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Tổng công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế thành viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị đó. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

4. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
5. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi miễn các thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể không phải là cổ đông của Tổng công ty và không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư hàng năm của Tổng công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Tổng công ty, quyết định mức lương và các quyền lợi khác của họ theo quy định quản lý nội bộ của Tổng công ty. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó theo quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;
- d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty;

- e. Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với Người điều hành Tổng công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó;
 - f. Quyết định tổ chức bộ máy quản lý của Tổng công ty, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, việc thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Tổng công ty;
 - h. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - j. Kiến nghị mức cổ tức hàng năm và mức cổ tức tạm ứng, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền của Tổng công ty khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - n. Trình Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của Tổng công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
 - p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có);
3. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị tạm phê duyệt bổ sung ngành nghề kinh doanh phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn của Tổng công ty và theo quy định của pháp luật. Việc tạm phê duyệt bổ sung ngành nghề kinh doanh phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
- 4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn:
 - a. Thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Tổng công ty;
 - b. Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm của Tổng công ty.
 - c. Thành lập công ty con của Tổng công ty; mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn của công ty con của Tổng công ty.
 - d. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 135 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Tổng công ty;
 - e. Việc vay nợ, thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng công ty theo phân cấp tại các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;
 - f. Các khoản đầu tư, thanh lý tài sản dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Tổng công ty và theo phân cấp tại các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá các tài sản góp vào Tổng công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở

hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết công nghệ và các loại tài sản phi tiền tệ khác;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Tổng công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng Quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

5. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Tổng công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.

Điều 26. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng Quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Tổng công ty, công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng Quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Tổng công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị.

Điều 27. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị bầu một thành viên của Hội đồng Quản trị làm Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ toạ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Tổng công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức, bị bãi miễn hoặc hết nhiệm kỳ thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị phải họp trong thời hạn mười (10) ngày làm việc để bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay thế. Trường hợp sau mười (10) ngày làm việc, Hội

đồng Quản trị vẫn chưa tổ chức cuộc họp để bầu Chủ tịch, Ban Kiểm soát sẽ chủ trì triệu tập tổ chức cuộc họp của Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch.

5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng công ty không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Tổng công ty.

Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị thường kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một (01) lần.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban Kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị.

3. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại Khoản 2 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 2 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

4. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng công ty.

5. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc tại địa điểm khác tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.

6. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp. Thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, nội dung các vấn đề thảo luận kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và các phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai (02) được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

8. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến

giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng Quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.

9. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

10. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được uỷ quyền theo quy định tại Khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 39 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

11. Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Tổng công ty, thành viên Hội đồng Quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

12. Hội đồng Quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối

ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị là phiếu quyết định.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng Quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản phải có chữ ký của tất cả chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp và người ghi biên bản cuộc họp hoặc biên bản có thể được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản phải có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc phụ trách về chính sách phát triển, lương thưởng, nhân sự, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định và có thể có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị/thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành có thể chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm là trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

Điều 30. Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. Hội đồng Quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty do Hội đồng Quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng Quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tổng công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;

- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm theo phân cấp trong quy chế nội bộ của Tổng công ty. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh thuộc phân cấp của Hội đồng Quản trị phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng Quản trị.

Điều 32. Người điều hành Tổng công ty

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng Người điều hành với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty do Hội đồng Quản trị quy định. Người điều hành Tổng công ty phải có trách nhiệm mẫn cán để Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định. Hợp đồng với những Người điều hành khác do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế nội bộ của Tổng công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Tổng công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng Quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng công ty;

e. Kiến nghị số lượng Người điều hành Tổng công ty mà Tổng công ty cần tuyển dụng để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ của Tổng công ty và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với Người điều hành Tổng công ty để Hội đồng Quản trị quyết định;

f. Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của các chức danh thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc theo quy định tại các quy chế nội bộ của Tổng công ty;

g. Trình Hội đồng Quản trị phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách, kế hoạch tài chính năm của Tổng công ty;

h. Chuẩn bị các bản kế hoạch dài hạn của Tổng công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn của Tổng công ty theo mục tiêu, chiến lược phát triển. Bản kế hoạch dài hạn cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng Quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế nội bộ của Tổng công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Tổng công ty, các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử, tiêu chuẩn Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 23 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Thủ tục Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên của Tổng công ty có từ ba (03) đến năm (5) người. Số lượng cụ thể các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được

bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 20 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ và Điều lệ Tổng công ty.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng Ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Tổng công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn bằng văn bản xin từ chức gửi đến trụ sở chính của Tổng công ty;
 - d. Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và Kiểm soát viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Tổng công ty có thể tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm Kiểm soát viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Tổng công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp tạm thời làm Kiểm soát viên để thay thế Kiểm soát viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời Kiểm soát viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm Kiểm soát viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban Kiểm soát tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Kiểm soát viên đó. Trong trường hợp Kiểm soát viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban Kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của Kiểm soát viên tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- e. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - f. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
 - g. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - h. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 36. Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty;
- b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- c. Giám sát tình hình tài chính Tổng công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành Tổng công ty, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
- d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành Tổng công ty, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng Quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành Tổng công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Tổng công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng Quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY

Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành Tổng công ty có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty.

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định Pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tổng công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Tổng công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành Tổng công ty và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp Công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các Công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm Công ty mẹ, Công ty con hoặc Tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tổng công ty với cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ hoặc thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành Tổng công ty và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc Tổng công ty, đối tác, hiệp hội, tổ chức mà thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành Tổng công ty hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận:

a. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản Tổng công ty ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;

b. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại mục a khoản 5 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành;

c. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại mục a và mục b khoản 5 Điều này, gây thiệt hại cho Tổng công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Tổng công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó;

d. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tổng công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành Tổng công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành Tổng công ty, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Tổng công ty với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, Người điều hành Tổng công ty, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Tổng công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Tổng công ty, thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Người điều hành Tổng công ty, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Tổng công ty được Tổng công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

c. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 23 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Tổng công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Tổng công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát,

báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 41. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Tổng công ty.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 42. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty.

2. Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng Quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các loại cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua các công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác;

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 43. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước

ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Tổng công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

Điều 44. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.

Điều 45. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.

3. Tổng công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Tổng công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, Tổng công ty phải lập báo cáo tài chính năm năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này. Tổng công ty phải nộp và công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán cho cơ quan thuế, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Tổng công ty trong năm tài chính; bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty tính đến thời điểm lập báo cáo.

3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, cơ quan thuế và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 47. Báo cáo thường niên

Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 48. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng Quản trị. Tổng công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Tổng công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, được quyền nhận các thông báo, các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 49. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Tổng công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

2. Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

1. Tổng công ty có thể bị giải thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 51. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Tổng công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các luật khác, Điều lệ Tổng công ty, các quy định quy định giữa:

- a. Cổ đông với Tổng công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc hay Người điều hành Tổng công ty;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban chấp hành công đoàn Tổng công ty chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp thuận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Toà án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 54. Ngày hiệu lực

Điều lệ Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 54 điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí nhất trí thông qua ngày 11 tháng 04 năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
 - b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
 - c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Tổng công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.

**HỌ, TÊN, CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

01 Nguyễn Xuân Sơn

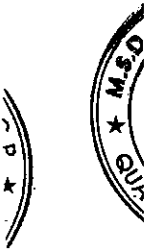
02 Phạm Việt Anh

03 Mai Thế Toàn

04 Phạm Anh Tuấn

05 Lê Mạnh Tuấn

06 Nguyễn Quốc Phương



PHỤ LỤC 09

*(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ2018 ngày 11/4/2018)*

Quy chế nội bộ về quản trị công ty

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI DẦU KHÍ
(PV TRANS)**

**QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI DẦU KHÍ**

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**
(Ban hành theo Nghị quyết số/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ ngày .../4/2018
của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần vận tải Dầu khí)

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) được xây dựng dựa trên Điều lệ Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí, Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 và các văn bản pháp luật liên quan khác.

Điều 2: Giải thích thuật ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- **Quản trị Tổng công ty:** là hệ thống các nguyên tắc đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý; đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan; đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông; công khai minh bạch mọi hoạt động của Tổng công ty;
- **Luật Doanh nghiệp:** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có);
- **Luật chứng khoán:** là luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);
- **Người có liên quan:** là cá nhân, tổ chức được quy định tại “Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp” và “Khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán”;
- **Người điều hành Tổng công ty:** là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty;
- **Người quản lý khác:** là người được Hội đồng Quản trị Tổng công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm theo các quy định tại các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;
- **Cổ đông của Tổng công ty:** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty;
- **Cổ đông lớn:** là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty;
- **Nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành:** Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về Quản trị Tổng công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

**CHƯƠNG II
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP
VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Điều 3: Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội

đồng cổ đông

1. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được cung cấp bởi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD). Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4: Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố bằng phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

2. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn địa chỉ trang thông tin điện tử có toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên trong trường hợp đã xác định được trước ứng viên và thông tin liên quan đến các ứng viên đó;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 5: Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị Tổng công ty làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy định cụ thể của Tổng công ty khi tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

2. Các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết hoặc người được ủy quyền dự họp có quyền biểu quyết (theo danh sách chốt cổ đông để thực hiện quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp) có mặt tại Đại hội và thực hiện đăng ký tham dự Đại hội một cách hợp lệ theo quy định do Tổng công ty công bố.

3. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty phải thực hiện thủ

tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Điều 6: Ban kiểm phiếu

1. Việc kiểm phiếu sẽ được thực hiện thông qua Ban Kiểm phiếu. Ban Tổ chức Đại hội sẽ chuẩn bị và đề xuất với Đại hội đồng cổ đông một (01) Ban Kiểm phiếu để chịu trách nhiệm: Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội; Giới thiệu và phát phiếu bầu, hướng dẫn và giải đáp thắc mắc trong quá trình bầu cử/biểu quyết; Tiến hành kiểm phiếu; Công bố kết quả bầu cử/biểu quyết trước Đại hội. Số lượng, thành phần Ban Kiểm phiếu được Ban tổ chức đề cử và được các cổ đông tham dự Đại hội thông qua tại Đại hội theo hình thức biểu quyết công khai.

2. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 7: Nguyên tắc và cách thức bỏ phiếu

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một (01) phiếu biểu quyết. Nội dung của phiếu biểu quyết bao gồm: họ và tên của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện của cổ đông đó, các vấn đề cần được biểu quyết. Phiếu biểu quyết phải bao gồm các nội dung cần được thông qua tại Đại hội theo chương trình nghị sự đã được thông qua.

2. Khi được phát phiếu biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền phải kiểm tra thông tin, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết nhận được, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu. Phiếu biểu quyết được coi là hợp lệ khi có đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu trên phiếu biểu quyết.

3. Khi tiến hành biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền có quyền quyết định đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến bằng cách đánh dấu theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu vào ô tương ứng với lựa chọn của mình cho từng vấn đề cần biểu quyết trên phiếu biểu quyết.

4. Trước khi bỏ phiếu, Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra tình trạng hòm phiếu trước sự chứng kiến của cổ đông có mặt tại Đại hội.

5. Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có thông báo của đại diện Ban Kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu cử/biểu quyết vào hòm phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm thông báo tùy thuộc vào sự việc nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được Ban Kiểm phiếu niêm phong.

6. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 8: Cách thức kiểm phiếu

Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu theo quy định như sau:

- a. Ban Kiểm phiếu làm việc trong 01 phòng làm việc/khu vực riêng;
- b. Ban Kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu;

- c. Kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu bầu cử/biểu quyết;
- d. Kiểm tra lần lượt từng phiếu bầu cử/biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu;
- e. Niêm phong toàn bộ các phiếu bầu cử/biểu quyết và bàn giao lại cho Chủ tọa.

Điều 9: Lập và công bố biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu xong, Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả bầu cử/biểu quyết và lập thành Biên bản Kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu sẽ được các thành viên của Ban Kiểm phiếu ký để xác nhận về tính chính xác, minh bạch và đúng nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu.

2. Nội dung Biên bản Kiểm phiếu phải ghi rõ các nội dung: Thành phần Ban Kiểm phiếu; thời gian, địa điểm tiến hành kiểm phiếu, danh sách đề cử; tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu; Tổng số cổ phần có quyền bầu cử/biểu quyết có mặt tại Đại hội; Tổng số phiếu phát ra; tổng số phiếu thu về; Tổng số phiếu không hợp lệ; Tổng số phiếu hợp lệ; Tổng số phiếu đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến và tỷ lệ biểu quyết tương ứng với từng nội dung biểu quyết; Số cổ phần biểu quyết cho từng ứng viên vào HĐQT và BKS, Danh sách trúng cử; chữ ký của thành viên Ban Kiểm phiếu.

3. Nội dung Biên bản Kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội. Trưởng Ban Kiểm phiếu có thể thay mặt Chủ tọa công bố kết quả bầu cử/biểu quyết.

Điều 10: Nội dung biểu quyết được thông qua

Các nội dung biểu quyết được thông qua khi số cổ phần đồng ý trên số cổ phiếu biểu quyết hợp lệ thu về đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 Điều lệ Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.

Điều 11: Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản cuộc họp có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông/đại diện ủy quyền và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu của các cổ đông/đại diện ủy quyền dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông/đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông/người được ủy quyền đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 12: Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được lập và công bố cùng thời điểm với Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13: Yêu cầu hủy bỏ quyết định Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, hủy bỏ quyết định hoặc một phần nội dung quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 19 Điều lệ Tổng công ty.

2. Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 14: Hiệu lực các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 15: Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.

2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Tổng công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Tổng công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của người không phải là Người điều hành Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày hoặc thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất **51%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

10. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm của Tổng công ty không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

CHƯƠNG III

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16: Ứng cử, đề cử người thành viên Hội đồng Quản trị Tổng công ty

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng Quản trị của Tổng công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng

có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế khác được quy định tại quy chế bầu cử được thông qua tại đại hội. Thủ tục Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 17: Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty;
- c) Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng không quá 05 (năm) công ty khác;
- d) Thành viên Hội đồng Quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ - Tổng công ty;
- e) Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty, công ty con của Tổng công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng công ty, công ty con của Tổng công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng công ty; là Người điều hành của Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty;
- e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát của Tổng công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.
- f) Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 18: Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị có thể thực hiện theo phương thức

biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định lựa chọn cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo một trong hai phương thức nêu trên. Trường hợp biểu quyết theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số lượng thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Đại hội đồng cổ đông hoặc quy chế bầu cử. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử của Đại hội đồng cổ đông.

2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Tổng công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế thành viên bị miễn nhiệm. Việc bầu tạm thời thành viên mới này phải được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị đó. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn ba mươi (30) ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng Quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 19: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;

b. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Tổng công ty;

d. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

2. Thành viên Hội đồng Quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 20: Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21: Thông báo họp, điều kiện họp, cách thức biểu quyết và thông qua nghị quyết Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị.

3. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại Khoản 2 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 2 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

4. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng công ty.

5. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.

6. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng Quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập

lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai (02) được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

8. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng Quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.

9. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

10. Cách thức biểu quyết:

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 10 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 7 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 10 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 38 Điều lệ Tổng công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

11. Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội



đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Tổng công ty, thành viên Hội đồng Quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc họp đồng nêu trên.

12. Hội đồng Quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị là phiếu quyết định.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 22: Ghi biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua;
- i. Họ tên chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự họp và người ghi biên bản cuộc họp hoặc biên bản có thể được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng Quản trị, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị tới các thành viên và là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp.

3. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 23: Công bố thông tin Nghị quyết Hội đồng Quản trị

Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu) hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Tổng công ty theo trình tự quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán.

CHƯƠNG V

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 24: Cách thức ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Điều 16 và Điều 18 Quy chế này về việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế khác được quy định tại quy chế bầu cử được thông qua tại Đại hội. Thủ tục Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 25: Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

Kiểm soát viên Tổng công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 20 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ, cụ thể như sau:

- a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này;
- b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- c. Không được giữ các chức vụ quản lý Tổng công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;
- d. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
- e. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
- f. Kiểm soát viên Tổng công ty phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

Điều 26: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Có đơn bằng văn bản xin từ chức gửi đến trụ sở chính của Tổng công ty;
- d. Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và Kiểm soát viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Tổng công ty có thể tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm Kiểm soát viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Tổng công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp tạm thời làm Kiểm soát viên để thay thế Kiểm soát viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời Kiểm soát viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm Kiểm soát viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban Kiểm soát tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Kiểm soát viên đó. Trong trường hợp Kiểm soát viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban Kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia ý kiến của Kiểm soát viên tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- e. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- f. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
- g. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- h. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 27: Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát phải được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 28: Các tiểu ban, cơ cấu, tiêu chuẩn, trách nhiệm thành viên và trưởng tiểu ban

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định và có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị/thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành có thể chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng Quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

3. Hội đồng Quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các Tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên cũng như Trưởng tiểu ban.

CHƯƠNG VII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 29: Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm theo phân cấp trong quy chế nội bộ của Tổng công ty. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh thuộc phân cấp của Hội đồng Quản trị phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng Quản trị.

Điều 30: Người điều hành Tổng công ty

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng Người điều hành với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty do Hội đồng Quản trị quy định. Người điều hành Tổng công ty phải có trách nhiệm mãn cán để Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định và hợp đồng với những Người điều hành khác do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 31: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm kỳ của Tổng giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty.

■ Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại điều 65 và điều 157 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định nội bộ của của Tổng công ty.

3. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 32: Công bố thông tin về bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp

Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII

**PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Điều 33: Trách nhiệm ban hành các quy chế phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

Hội đồng Quản trị Tổng công ty căn cứ quyền, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc Tổng công ty để xây dựng ban hành các Quy chế, quy định cụ thể về hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và sự phối hợp giữa Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc Tổng công ty trong các công tác quản lý, kiểm tra giám sát,

quản trị điều hành Tổng công ty.

Điều 34: Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Các thủ tục, trình tự họp tương tự như quy định tại Điều 21 Quy chế này.
2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng công ty, chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát.

Điều 35: Thông báo nghị quyết của Hội đồng Quản trị cho Ban kiểm soát

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Tổng công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng Quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều 36: Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

Tổng giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm thực hiện các báo cáo định kỳ và bất thường theo yêu cầu cho Hội đồng quản trị và/hoặc Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề cụ thể như sau:

1. Báo cáo Hội đồng quản trị Tổng công ty:
 - a. Định kỳ báo cáo Hội đồng quản trị Tổng công ty về tình hình thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao theo quy định tại khoản 3 điều 33 Điều lệ Tổng công ty và các công việc khác được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ủy quyền thực hiện;
 - b. Báo cáo Hội đồng Quản trị về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Thực hiện báo cáo đột xuất về các vấn đề theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và/hoặc Ban kiểm soát.
2. Báo cáo và giải trình trước Đại hội đồng cổ đông về:
 - a. Tình hình thực hiện định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm trên cơ sở các nghị quyết đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;
 - b. Tình hình sử dụng vốn; đầu tư mua sắm, cầm cố, thuê, cho thuê, thanh lý, chuyển nhượng các tài sản cố định, sử dụng lao động và các vấn đề khác thuộc quyền hạn của Tổng giám đốc Tổng công ty theo quy định tại khoản 3 điều 33 Điều lệ Tổng công ty;
 - c. Các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan, chính quyền các cấp về bảo đảm an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường cũng như những hoạt động xã hội khác của Tổng công ty;
 - d. Tổng giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý việc cấp sổ chứng nhận cổ đông, thay đổi thông tin cổ đông, quản lý việc thực hiện các quyền khác của cổ đông theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và pháp luật.
 - e. Các nội dung khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37: Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng Quản trị đối với Tổng giám đốc

Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng giám đốc và Người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Tổng công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.

Điều 38: Cách thức Tổng giám đốc cung cấp thông tin và thông báo cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát

Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty phải báo cáo, cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Tổng công ty theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị và/hoặc Ban kiểm soát, hoặc các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty. Việc gửi báo cáo, cung cấp thông tin và tài liệu nêu trên phải đảm bảo đến đúng địa chỉ đã được thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên đăng ký với Tổng công ty hoặc theo địa chỉ được yêu cầu.

Điều 39: Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng Quản trị, các Kiểm soát viên và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát Tổng công ty căn cứ quyền, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Tổng công ty và các Người điều hành doanh nghiệp để ban hành các Quy chế nội bộ về việc phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng Quản trị, các Kiểm soát viên và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các văn bản pháp luật.

CHƯƠNG IX

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 40: Quy định về đánh giá hàng năm, khen thưởng và kỷ luật

Hội đồng Quản trị Tổng công ty căn cứ quyền, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Tổng công ty và các Người điều hành doanh nghiệp để ban hành các Quy chế về việc đánh giá hoàn thành kế hoạch, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành của Tổng công ty.

CHƯƠNG X

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

Điều 41: Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. Hội đồng Quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty do Hội đồng Quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.

3. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng Quản trị.

4. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tổng công ty tùy từng thời điểm.

5. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

6. Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi miễn Người phụ trách quản trị Tổng công ty được công bố thông tin theo quy định của pháp luật./.

C.P
★
/./

**BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**

Tên doanh nghiệp: Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí PV Trans

Mã số doanh nghiệp: 0302743192, đăng ký lần đầu ngày 7/5/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 11/01/2018.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Thời gian họp đại hội đồng cổ đông: 8 giờ 30 ngày 11/4/2018,

Địa điểm họp đại hội đồng cổ đông: Lầu 1 - Khách sạn Novotel Saigon Centre, 167 Đường Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG CUỘC HỌP

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ:

1. Chủ tọa đại hội

Theo qui định của Điều lệ Tổng Công ty, Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty - Ông Nguyễn Xuân Sơn - là chủ tọa điều hành đại hội.

2. Cổ đông tham dự

ĐHĐCD đã nghe ông Nguyễn Bá Nghị – Tổ Kiểm tra tư cách Cổ đông công bố kết quả xác nhận tư cách Cổ đông dự họp như sau:

Ngày 11/4/2018 Tổng công ty CP đã tiến hành việc mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo danh sách cổ đông chốt ngày 28/3/2018.

Tổng số cổ đông có mặt tại thời điểm khai mạc đại hội là 133 cổ đông (trong đó cổ đông tham dự trực tiếp là 90 cổ đông, tham dự thông qua ủy quyền là 43 cổ đông) đại diện cho 225.436.286 cổ phần, bằng 80,10% cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt ngày 28/3/2018 (*Biên bản Kiểm tra tư cách cổ đông và đại diện cổ đông - đính kèm Biên bản này*).

Căn cứ vào Điều 141 của Luật Doanh nghiệp 2014 về điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông: “ Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết”. Vì vậy ĐHĐCD thường niên năm 2018 của Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí đủ điều kiện tiến hành.

3. Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và Ban Kiểm phiếu

Ban Tổ chức đã giới thiệu và toàn thể đại hội đã thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu như sau:

Đoàn chủ tịch:

1. Ông Nguyễn Xuân Sơn - Chủ tịch HĐQT
2. Ông Phạm Việt Anh - Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc
3. Ông Phạm Anh Tuấn - Ủy viên HĐQT

Ban Thư ký:

1. Ông Lê Trúc Lâm - Phó Ban Kế hoạch – Đầu tư
2. Bà Nguyễn Hồng Vân – Phó Chánh VP, Thư ký HĐQT

Ban Kiểm phiếu:

1. Ông Lê Nguyễn Thanh Hải - Phó Chánh Văn phòng.
2. Ông Bùi Hữu Cơ - Phó Ban KHĐT
3. Ông Phạm Hồng Đạt - Chuyên viên Ban TCNS.

4. Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên và thành viên Ban điều hành tham dự ĐHĐCĐ.

4.1 Thành viên Hội đồng quản trị

- 1) Ông Nguyễn Xuân Sơn - Chủ tịch HĐQT
- 2) Ông Phạm Việt Anh - Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc
- 3) Ông Mai Thế Toàn - Ủy viên HĐQT
- 4) Ông Phạm Anh Tuấn - Ủy viên HĐQT
- 5) Ông Lê Mạnh Tuấn - Ủy viên HĐQT
- 6) Ông Nguyễn Quốc Phương - Ủy viên HĐQT

4.2 Thành viên Ban Kiểm soát

- 1) Ông Phạm Văn Hưng – Thành viên

4.3 Thành viên Ban điều hành

- 1) Ông Phạm Việt Anh - Tổng Giám đốc
- 2) Ông Mai Thế Toàn – Phó Tổng Giám đốc
- 3) Ông Nguyễn Đình Thanh – Phó Tổng Giám đốc
- 4) Ông Đào Mạnh Tiến – Phó Tổng Giám đốc
- 5) Bà Nguyễn Linh Giang – Phó Tổng Giám đốc
- 6) Ông Lê Anh Nam – Kế toán trưởng

5. Đoàn Chủ tịch đại hội đã công bố đại diện của đơn vị kiểm toán độc lập có tham dự ĐHĐCĐ

- Công ty Kiểm toán: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
- Người đại diện: Bà Trần Thị Kim Khánh – Giám đốc kiểm toán

II. DIỄN BIẾN VÀ KẾT QUẢ CUỘC HỌP

A. Khai mạc đại hội và thông qua Nội quy đại hội:

1. Đoàn Chủ tịch đại hội đã tuyên bố khai mạc đại hội
2. Đại hội đã biểu quyết công khai và thông qua Chương trình nghị sự, Nội quy Đại hội và Thê lệ biểu quyết.

B. Các nội dung thảo luận và biểu quyết tại Đại hội

Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết để thông qua các nội dung như sau:

1) Báo cáo hoạt động năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018 của Hội đồng quản trị (Phụ lục 1).

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 99,997% số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội.

2) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017 (Phụ lục 2).

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 99,997% số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội.

3) Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị phê duyệt việc điều chỉnh kế hoạch phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Tổng công ty (Phụ lục 3).

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 99,998% số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội.

4) Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017. Báo cáo hoạt động năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018 của Ban kiểm soát (Phụ lục 4).

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 99,997% số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội.

5) Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 (Phụ lục 5).

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 99,995% số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội.

6) Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2017, giao cho HĐQT thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết và xử lý các vấn đề phát sinh có liên quan để thực hiện phương án phân phối lợi nhuận theo đúng quy định của pháp luật hiện hành (Phụ lục 6).

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 99,997% số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội.

7) Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017 và Kế hoạch thù lao năm 2018 (Phụ lục 7).

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 99,798% số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội.

8) Sửa đổi bổ sung Điều lệ Tổng công ty (Phụ lục 8).

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 97,434% số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội.

9) Sửa đổi bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty (Phụ lục 9).

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 97,434% số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội.

10) Thông qua việc miễn nhiệm Kiểm soát viên đối với ông Thái Ngọc Lân và ông Nguyễn Văn Hòa.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 98,414% số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội.

11) Thông qua việc bầu bổ sung 02 kiểm soát viên của Tổng công ty như sau:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Anh .

Số phiếu bầu đạt được 209.780.963 phiếu trên tổng số 438.199.362 quyền bầu (tỷ lệ 47,87%)

2. Ông Kim Kwang Hyuk

Số phiếu bầu đạt được 228.414.769 phiếu trên tổng số 438.199.362 quyền bầu (tỷ lệ 52,13%)

C. Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông

✦ Chủ tọa ĐHĐCĐ tuyên bố mọi cổ đông tham dự đều có cơ hội đặt câu hỏi hoặc kiến nghị các vấn đề.

✦ Nội dung tóm tắt các ý kiến phát biểu của cổ đông và trả lời của Đoàn Chủ tịch Đại hội:

Hỏi: Lĩnh vực FSO/FPSO không phải là lĩnh vực chính của PVTrans, vậy khả năng cạnh tranh của PVTrans như thế nào so với các đối thủ lớn trong lĩnh vực này như Tổng công ty CP Dịch vụ Dầu khí (PTSC)...?

Trả lời: Trong lĩnh vực kho nổi FSO/FPSO, trên thị trường hiện có một số tên tuổi lớn như PTSC (PVS), Vietsovpetro và PVT, trong đó PVT có 2 dự án. Mỗi bên có thế mạnh riêng, nhưng chi phí của PVT có khả năng cạnh tranh với các đối thủ ...

Hỏi: Tiến độ của Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn như thế nào? PVTrans sẽ tham gia vào việc cung cấp dịch vụ nào, sản lượng bao nhiêu ...cho Nhà máy? PVTrans đã chuẩn bị phương tiện như thế nào cho việc này?

Trả lời: Theo PVTrans được biết Nhà máy Lọc dầu Nghi Sơn đang trong quá trình chạy thử và đã có sản phẩm. Kỳ vọng trong quý II/2018 sẽ hoàn tất chạy thử nghiệm để nâng công suất lên 100% vào cuối năm nay.

Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn với tổng quy mô 10 triệu tấn/năm, không chỉ cung cấp sản phẩm lọc dầu mà còn có hóa dầu, vì vậy công nghệ cũng phức tạp hơn, PVT dự kiến tham gia chính vào 2 mảng vận tải dầu thô và các sản phẩm dầu. Trong vận chuyển dầu thô, PVT dự kiến sẽ tham gia vận chuyển 20-25% tổng sản lượng dầu thô từ Cô-ôét về nhà máy với giá cước theo giá thị trường quốc tế. Để đáp ứng công suất, PVT sẽ đầu tư VLCC khi sản lượng ổn định, nhanh thì cuối năm nay hoặc đầu năm sau sẽ đầu tư.

Mảng thứ 2 dầu sản phẩm, PVT đã có hợp đồng với PVN và đang làm việc với chi nhánh, nhà phân phối của PVN về việc vận tải để giải phóng hàng. Kỳ vọng khi Nhà máy Lọc dầu Nghi Sơn đi vào hoạt động 100% công suất, PVT sẽ cố gắng tham gia vận chuyển 3-4 triệu tấn sản phẩm cho nhà máy.

Hỏi: Mảng vận chuyển than là một lĩnh vực kinh doanh mới của PVTrans, mang lại hiệu quả như thế nào trong hoạt động của PVTrans?

Trả lời: Trong năm 2018, PVT sẽ đẩy mạnh vận chuyển hàng rời. Đây là lĩnh vực mới nhưng đầy tiềm năng, nhưng hiện nay đang cạnh tranh khốc liệt.

Trong năm 2017, doanh thu và lợi nhuận từ mảng này chưa lớn, khoảng 10% doanh thu. Trong 2 năm đầu, PVT không đặt nặng lợi nhuận mà tập trung xây dựng thương hiệu và uy tín đối với khách hàng. Về lâu dài vận chuyển hàng rời sẽ là mảng rất tiềm năng.

Hỏi: Theo kế hoạch PVTrans và các đơn vị thành viên sẽ tiến hành đầu tư khá nhiều trong năm 2018, việc thu xếp vốn cho việc đầu tư như thế nào, có khó khăn trở ngại gì không, PVTrans có kế hoạch tăng vốn trong thời gian tới hay không?

Trả lời: Khi xây dựng kế hoạch đầu tư, PVTrans đã cân đối nguồn vốn. Với chỉ số tài chính lành mạnh, năng lực tài chính tốt nên việc thu xếp vốn không phải là vấn đề của

PVTrans. Trong năm 2018, PVT dự kiến dành 1.515 tỷ đồng cho kế hoạch đầu tư (hơn 710 tỷ đồng từ nguồn vốn tự có của PVT còn lại từ nguồn vốn vay và khác của PVT). Trong đó, hơn 1.288 tỷ đồng PVT dự kiến đầu tư cho phát triển đội tàu, bao gồm 1 tàu chở dầu thô với mức đầu tư 20 triệu USD và 2 tàu chở hàng rời khoảng 50.000-80.000 DWT mỗi tàu có mức đầu tư khoảng 18 triệu USD.

Hỏi: Kế hoạch tăng trưởng của PVTrans trong thời gian tới, có nhu cầu tăng vốn không?

Trả lời: Trong kế hoạch phát triển 5 năm đã thông qua tại ĐHCĐ năm 2017, PVT chắc chắn sẽ tăng vốn, tuy nhiên với năng lực tài chính hiện có, trong năm nay, nhu cầu tăng vốn chưa thật sự cần thiết. Đến năm 2020, PVT sẽ có thể có nhu cầu tăng vốn thêm khoảng 10% lên 3.095 tỷ đồng.

Theo định hướng, PVT sẽ duy trì tăng trưởng bình quân hàng năm 10-15%/năm, tập trung đổi mới đội tàu nâng cao năng lực cạnh tranh.

TM. BAN THƯ KÝ



Nguyễn Hồng Vân

**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Nguyễn Xuân Sơn



PHỤ LỤC 01

*(Đính kèm Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/BB-VTDK-ĐHĐCĐ2018 ngày 11/4/2018)*

Báo cáo năm 2017 và Kế hoạch hoạt động năm 2018 của Hội đồng quản trị

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2018

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2017
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ**

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2017:

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị hiện tại của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí bao gồm 06 thành viên, cụ thể như sau:

1. Ông Nguyễn Xuân Sơn - Chủ tịch HĐQT
2. Ông Phạm Việt Anh - Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3. Ông Mai Thế Toàn - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc.
4. Ông Lê Mạnh Tuấn - Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Pacific.
5. Ông Nguyễn Quốc Phương - Ủy viên HĐQT.
6. Ông Phạm Anh Tuấn - Ủy viên HĐQT

Hội đồng quản trị Tổng công ty Vận tải Dầu khí hoạt động theo Quy chế hoạt động của HĐQT và sự phối hợp giữa HĐQT và Tổng giám đốc của Tổng công ty ban hành tại Quyết định số 54/QĐ-VTDK-HĐQT ngày 30/08/2011.

2. Hoạt động của HĐQT Công ty

Theo nhận định và đánh giá thị kinh tế toàn cầu năm 2017 tăng trưởng 3,5% cao hơn mức 3,2% của năm 2016 và dự kiến sẽ tăng trưởng 3,6% trong năm 2018, Trung quốc, Châu Á, Trung Đông và Châu Âu đang tăng cường đầu tư vào cơ sở hạ tầng, năng lượng và công nghiệp... tất cả những yếu tố này là tiền đề giúp cho kinh tế toàn cầu tiếp tục tăng trưởng trong những năm tới. Kinh tế Việt Nam trong năm 2017 tiếp tục có nhiều khởi sắc, tăng trưởng đầu tư, xuất khẩu, sản xuất công nông nghiệp, dịch vụ đã tạo đà GDP tiếp tục tăng trưởng ở mức 6,81%. Tổng công ty PVTrans với tình hình tài chính tốt được tích lũy trong những năm qua, trong bối cảnh thị trường vận tải dư thừa tàu, giá tàu xuống thấp lại là cơ hội để đầu tư phát triển, giữ vững thị phần vận tải trong nước và từng bước phát triển ra thị trường quốc tế trong thời gian tới.

Đánh giá, nhận thức được những thuận lợi, khó khăn của Tổng công ty trong năm 2017, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã tập trung chỉ đạo nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng đại diện các chủ sở hữu trong việc giám sát hoạt động điều hành của Tổng công ty, định hướng phù hợp và chỉ đạo kịp thời đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao phó, trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ Tổng công ty.

Bên cạnh việc thực hiện chức năng quản lý, giám sát công tác điều hành của Ban điều hành, HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng giám đốc tìm kiếm những giải pháp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh năm 2017;

Với tinh thần trách nhiệm cao, đoàn kết, hợp tác thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Cổ đông và Tổng công ty, HĐQT đã triển khai các giải pháp quyết liệt trong công tác quản trị, điều hành của HĐQT chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, và kết quả năm 2017 Tổng công ty đã hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHCĐ giao cả của Công ty mẹ và hợp nhất.

3. Hoạt động của các thành viên HĐQT:

Trong năm, các thành viên HĐQT đã tích cực hoạt động theo chức năng nhiệm vụ đã được phân công, tham gia đầy đủ và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, cụ thể như sau:

3.1 Ông Nguyễn Xuân Sơn - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

- Chịu trách nhiệm chung trong điều hành hoạt động công tác của Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty.

- Chỉ đạo, hỗ trợ, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được phân công của các thành viên HĐQT trong các lĩnh vực như sau.

- Lĩnh vực chiến lược.
- Công tác nhân sự.
- Công tác quản lý vốn.
- Tổ chức và đổi mới, tái cấu trúc doanh nghiệp.
- Việc tuân thủ các tiêu chuẩn quản trị doanh nghiệp.
- Quản lý Người đại diện tại các đơn vị thành viên và các doanh nghiệp khác.
- Chỉ đạo hoạt động của Ban Kiểm toán Nội bộ theo quy chế hoạt động của Ban KTNB.
- Giám sát PSM, PVTrans Hà Nội, Đông Dương, PVTEC
- Thực hiện công việc khác không phân công cho các thành viên HĐQT.

3.2 Ông Phạm Việt Anh - Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc.

- Công tác sản xuất - kinh doanh, phát triển thị trường.
- Công tác tài chính kế toán.
- Công tác đối ngoại, hợp tác kinh doanh.
- Công tác kế hoạch.
- Công tác phát triển nguồn nhân lực.
- Công tác công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- Giám sát Công ty PV Keez.

3.3 Ông Mai Thế Toàn - Thành viên Hội đồng Quản trị.

- Xây dựng, ban hành và thực hiện các Quy chế, Quy định, Định mức quản lý nội bộ.
- Giám sát Công ty Pacific, OFS, PPS.
- Các công việc khác theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.

3.4 Ông Lê Mạnh Tuấn - Thành viên Hội đồng Quản trị.

- Công tác đầu tư.

- Quản lý rủi ro.
- Giám sát Công ty Phương Nam, Gas Shipping, Phương Đông Việt.
- Các công việc khác theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.

3.5 Ông Nguyễn Quốc Phương - Thành viên Hội đồng Quản trị.

- Xây dựng và phát triển thương hiệu.
- Phối hợp các tổ chức Đoàn thể trong Tổng công ty.
- Giám sát Công ty Cửu Long, PVTrans Quảng Ngãi, PVTrans Vũng Tàu.
- Các công việc khác theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.

3.6 Ông Phạm Anh Tuấn - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Công tác đầu tư.
- Công tác quan hệ cổ đông.
- Chỉ đạo hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ theo quy chế hoạt động của Ban KTNB.
- Giám sát PVTrans Hà Nội, Đông Dương, PSM, Công ty Nhật Việt.
- Các công việc khác theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.

4. Các quyết định của HĐQT năm 2017

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý để rà soát lại các hoạt động giám sát điều hành của HĐQT đã thực hiện trong quý và đề ra các kế hoạch hoạt động của tháng, quý tiếp theo, nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2017 của toàn Tổng công ty. Bên cạnh đó, đại diện Hội đồng quản trị thường xuyên tham gia các cuộc họp của Ban Tổng giám đốc với các Ban chức năng, các đơn vị thành viên để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Trên cơ sở kết quả các cuộc họp, Hội đồng quản trị đã ban hành các nghị quyết/quyết định làm cơ sở cho Tổng giám đốc Tổng công ty triển khai thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong năm 2017, Hội đồng Quản trị Tổng công ty đã ban hành 76 Nghị quyết, 8 Quyết định về những vấn đề quan trọng của Tổng công ty như phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2017 của Tổng công ty, phê duyệt kế hoạch mua tàu chở dầu sản phẩm loại 13.000 DWT của Tổng công ty, phê duyệt định biên cán bộ lãnh đạo tại bộ máy điều hành năm 2017, bầu Chủ tịch HĐQT Tổng công ty, phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022, chia cổ tức của Tổng công ty năm 2017, tăng vốn của 1 số đơn vị thành viên...

5. Công tác quản lý, giám sát hoạt động đối với Tổng giám đốc và bộ máy điều hành

Trong năm 2017, HĐQT đã chỉ đạo các bộ phận tuân thủ đầy đủ và kịp thời, đúng hạn việc cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định gồm: Báo cáo chi tiết tình hình SXKD hàng tháng, hàng quý; báo cáo tài chính các quý, năm 2017 và các báo cáo khác theo quy định.

Năm 2017, Ban Tổng giám đốc đã nỗ lực và quyết liệt điều hành mọi mặt hoạt động của Tổng công ty, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ và các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT ban hành. Với các chỉ tiêu đạt được, HĐQT đánh giá Ban điều hành đã hoàn thành được các nhiệm vụ trong năm tài chính 2017, cụ thể là:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực.
- Đảm bảo thu nhập, đời sống người lao động; xây dựng và đào tạo được đội ngũ cán bộ lãnh đạo, người lao động có trình độ phù hợp, nhiệt huyết tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong các năm tiếp theo.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định, chính sách điều hành minh bạch có sự phân công, phân cấp rõ ràng trong bộ máy điều hành.

Tổng công ty hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh mà ĐHĐCĐ đã phê duyệt, tất cả các công ty, đơn vị trực thuộc đều kinh doanh có lãi, kết quả đó chứng tỏ sự cố gắng, nỗ lực và quyết tâm của toàn bộ tập thể Ban Tổng giám đốc và tập thể cán bộ công nhân viên trong Tổng công ty.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được vẫn còn một số hạn chế cần được Ban điều hành khắc phục trong năm 2018 để đảm bảo duy trì tốc độ phát triển Tổng công ty.

6. Công tác đầu tư

Phê duyệt dự án đầu tư tàu chở sản phẩm dầu trọng tải 13.000 DWT (tàu Saturn), Tổng công ty đã triển khai đầu tư mua và nhận tàu vào tháng 6/2017, ngay sau khi nhận tàu đã đưa vào khai thác tuyến Quốc tế với hiệu quả khá tốt.

Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án mua tàu Aframax thay thế tàu Hercules M và dự án đầu tư 02 tàu hàng khô cỡ Panamax vận chuyển than nhập khẩu cho các nhà máy nhiệt điện (hiện đang hoàn thiện các thủ tục đầu tư theo quy định).

Phê duyệt việc tăng vốn, đầu tư góp vốn vào NVTrans và tăng vốn cho Công ty CP Vận tải dầu Phương Đông Việt để duy trì tỷ lệ sở hữu 51%/VĐL tại hai Công ty này.

Phê duyệt và chỉ đạo Người đại diện của Tổng công ty tại các Công ty thành viên phê duyệt một số dự án đầu tư tại Công ty thành viên theo thẩm quyền.

7. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017 được trả theo mức đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại ĐHĐCĐ năm 2017, cụ thể như sau

+ Đối với thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách: Thù lao thành viên HĐQT, không chuyên trách được trả theo mức 3.000.000 đồng/người/tháng; Thành viên BKS không chuyên trách 1.500.000 đồng/người/tháng. Tổng số tiền thù lao kiêm nhiệm thực hiện là 180.000.000 đồng.

+ Đối với thành viên HĐQT, BKS chuyên trách và thành viên kiêm nhiệm các chức danh trong bộ máy điều hành Tổng công ty: Tiền lương, tiền thưởng được thực hiện theo Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ, Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ LĐTBXH, Quy chế quản lý tiền lương, thù lao, tiền thưởng tại Quyết định số 829/QĐ-DKVN ngày 28/04/2017 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Quy chế trả thưởng của Tổng công ty và quy định của Nhà nước.

8. Quan hệ cổ đông:

Tổng công ty vẫn duy trì công tác quan hệ với các cổ đông, tiếp xúc và cung cấp các thông tin cho cổ đông theo yêu cầu và tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước và Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị của Tổng công ty.

Các cổ đông đều được thông báo đầy đủ các thông tin liên quan đến công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 góp phần vào thành công của Đại hội.

II. PHƯƠNG HƯỚNG TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018

1. Các chỉ tiêu kế hoạch tài chính hợp nhất năm 2018:

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018
1	Doanh thu	Tỷ đồng	5.250
2	Chi phí	Tỷ đồng	4.810
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	440
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	357

2. Các chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ năm 2018.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018
1	Doanh thu	Tỷ đồng	2.100
2	Chi phí	Tỷ đồng	1.830
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	270
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	225

3. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2018:

Theo nhận định và đánh giá của các chuyên gia, thị trường vận tải Quốc tế vẫn tiếp tục khó khăn, mặc dù giá dầu thô đã phục hồi 1/3 giá trị sau khi chạm đáy vào tháng 6/2017 và dự kiến chỉ dao động trong khoảng 61~ 64 USD/thùng. Các nguồn năng lượng mới được tăng cường sử dụng đã làm suy giảm nhu cầu vận chuyển, cùng với đó là tình trạng mất cân bằng và dư thừa tàu, đã tạo ra áp lực và thách thức không nhỏ cho công tác khai thác, tìm kiếm nguồn hàng vận chuyển chủ tàu nói chung và cho đội tàu của Tổng công ty nói riêng.

Kinh tế Việt Nam năm 2018 dự báo tiếp tục có nhiều khởi sắc tạo đà GDP tiếp tục tăng trưởng ở mức trên 6,5% nhưng ngành vận tải biển Việt Nam vẫn tồn tại rất nhiều khó khăn, bất ổn. Các công ty vận tải biển lớn vẫn trong đà suy yếu, năng lực tài chính không đủ để tiếp tục đầu tư phát triển và nguy cơ mất dần thị phần vận tải biển tại Việt Nam là rất lớn, NMLHD Nghi Sơn đi vào hoạt động từ giữa năm 2018 khi đó nhu cầu vận tải hàng lỏng sẽ tăng lên đáng kể.

Do đó để đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định và bền vững, HĐQT đề ra kế hoạch hoạt động năm 2018 gồm các nội dung sau:

➢ Chỉ đạo xây dựng, trình ĐHCĐ thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, cũng như tiếp tục quyết liệt chỉ đạo, triển khai thực hiện kế hoạch sau khi được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua, trong đó chú trọng chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh cụ thể như sau.

+ Đối với lĩnh vực vận chuyển dầu thô, vận tải dầu sản phẩm, hóa chất: Phân đầu vận chuyển tối đa cho các nhà máy lọc hóa dầu có phân góp vốn của Tập đoàn.

+ Đối với lĩnh vực vận tải sản phẩm khí hóa lỏng LPG: Tập trung vận chuyển cho các

nhà máy/tổ hợp lọc hóa dầu có phần góp vốn của Tập đoàn.

+ Đối với lĩnh vực vận tải than: Phân đầu đảm nhận vận chuyển tối đa khối lượng than đầu vào cho các Nhà máy nhiệt điện của Tập đoàn, tham gia vận chuyển than cho các nhà máy điện của ngành điện.

+ Đối với lĩnh vực dịch vụ hàng hải dầu khí (FSO/FPSO): Củng cố, duy trì, nâng cao chất lượng dịch vụ vận hành và bảo dưỡng (O&M). Tích cực làm việc với Tập đoàn để cung cấp thêm một FSO/FPSO cho các dự án phát triển mỏ của Tập đoàn.

+ Đối với dịch vụ quản lý kỹ thuật tàu và cung ứng thuyền viên: Đào tạo đội ngũ cán bộ thuyền viên, đặc biệt là đào tạo chuyên sâu về chuyên môn, kiến thức luật hàng hải quốc tế, ngoại ngữ... đáp ứng đầy đủ được yêu cầu dịch vụ trong nước và quốc tế.

➤ Thực hiện công tác quản lý, giám sát công tác điều hành của Tổng giám đốc trong việc thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, đồng thời chỉ đạo, phối hợp Ban điều hành đưa ra các giải pháp đầu tư phát triển đội tàu nâng cao năng lực vận chuyển tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững và ổn định của Tổng công ty trong tương lai.

➤ Đẩy mạnh công tác tái cấu trúc, triệt để giải quyết các tồn tại, khó khăn của Tổng công ty và các đơn vị thành viên để nâng cao năng lực vận chuyển, tái cấu trúc đội tàu, tăng năng lực cạnh tranh đáp ứng cơ hội phát triển của PV Trans trong giai đoạn sắp tới. Chỉ đạo ban điều hành tập trung nghiên cứu, tính toán và triển khai các dự án đầu tư, trong đó chú trọng triển khai dự án đầu tư tàu Aframax thay thế tàu Hercules M.

➤ Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy chế quản lý, quản trị doanh nghiệp phù hợp với quy định của Điều lệ Tổng công ty và Nhà nước. Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ, coi đây là công cụ quản lý quan trọng Tổng công ty.

➤ Xây dựng, tuyển dụng và đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực quản lý, quản trị doanh nghiệp và nhân lực có chuyên môn cao. Đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển của Tổng công ty.

➤ Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông cũng như quyền lợi và điều kiện làm việc của người lao động trong Tổng công ty. Thực hiện các giải pháp khuyến khích để Người lao động hăng say cống hiến, phát huy trí lực, toàn tâm vì sự phát triển vững mạnh của Tổng công ty.

➤ Thực hiện những nhiệm vụ khác do Đại hội đồng cổ đông giao.

III. KẾT LUẬN

Phát huy những thành quả đạt được trong năm 2017, với sự đoàn kết, sáng tạo và quyết tâm của Hội đồng Quản trị, tập thể ban lãnh đạo Tổng công ty cùng sự nỗ lực của toàn thể CBCNV Tổng công ty Vận tải Dầu khí, Hội đồng quản trị tin tưởng sẽ hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 giao và tiếp tục đưa Tổng công ty đạt được những thành quả lớn hơn nữa, đảm bảo sự phát triển ổn định lâu dài của Tổng công ty và không ngừng gia tăng các lợi ích cho các cổ đông.

PHỤ LỤC 02

*(Đính kèm Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/BB-VTDK-ĐHĐCĐ2018 ngày 11/4/2018)*

**Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017
và Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng ... năm 2018

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2017**

1. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

Trên cơ sở Nghị quyết số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ ngày 05/04/2017 về việc thông qua các nội dung ĐHĐCĐ năm 2017 của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PV Trans), PV Trans đã tiến hành ký kết hợp đồng kiểm toán với Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam và Báo cáo tài chính năm 2017 của Tổng công ty được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán đã hoàn thành (đính kèm).

2. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017:

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất và Công ty mẹ đã được kiểm toán của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí thì kết quả sản xuất kinh doanh của PV Trans trong năm 2017 như sau:

2.1. Kết quả thực hiện kế hoạch toàn Tổng công ty (hợp nhất):

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	TH/KH năm 2017
1	Doanh thu	5.013	6.357	127%
2	Lợi nhuận trước thuế	400	671	168%
3	Lợi nhuận sau thuế	328	534	163%
4	Nộp ngân sách Nhà nước	240	348	145%

2.2. Thực hiện kế hoạch Công ty mẹ:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	TH/KH năm 2017
1	Vốn điều lệ	2.814,4	2.814,4	100%
2	Doanh thu	2.015,7	2.597,7	129%
3	Lợi nhuận trước thuế	250,4	488,4	195%
4	Lợi nhuận sau thuế	210,4	393,0	187%
5	Tỷ suất LNST/VĐL	7,5%	14%	187%
6	Nộp ngân sách Nhà nước	125	224,9	180%

PHỤ LỤC 03

*(Đính kèm Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/BB-VTDK-ĐHĐCĐ2018 ngày 11/4/2018)*

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2018

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

1. Các chỉ tiêu kế hoạch toàn Tổng công ty (hợp nhất):

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	5.250,0
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	440,0
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	357,0
4	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	209,3

2. Các chỉ tiêu kế hoạch Công ty mẹ:

2.1 Kế hoạch tài chính:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	2.814,4
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.100,0
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	270,0
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	225,0
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	107,9

2.2 Kế hoạch đầu tư và mua sắm trang thiết bị của Công ty mẹ PV Trans:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch
I	Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	1.515,7
1	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	1.288,0
2	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	18,7
3	Đầu tư góp vốn vào các đơn vị thành viên	Tỷ đồng	209,0
II	Nguồn vốn	Tỷ đồng	1.515,7
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	711,0
2	Vốn vay + khác	Tỷ đồng	804,7

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ NĂM 2018
CỦA CÔNG TY MẸ

Stt	Tên dự án	3	4	5	6	7	Trong đó	
							Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác
1	2						8	9
	Tổng cộng (=A+B+C)	Tỷ đồng				1.515,7	711,0	804,7
	<i>Ngoại tệ</i>	<i>Tr. USD</i>				<i>56,0</i>	<i>21,1</i>	<i>34,9</i>
	<i>Nội tệ</i>	<i>Tỷ đồng</i>				<i>227,7</i>	<i>227,7</i>	
A	Các dự án							
I	Dự án nhóm B							
I.1	Đầu tư tàu chở dầu thô loại Aframax	Tr. USD	2018	2018	HĐQT	20,0	7,5	12,5
I.2	Đầu tư tàu chở hàng rời khoảng 50.000-80.000DWT	Tr. USD	2018	2018	HĐQT	18,0	6,8	11,2
I.3	Đầu tư tàu chở hàng rời khoảng 50.000-80.000DWT	Tr. USD	2018	2018	HĐQT	18,0	6,8	11,2
B	Đầu tư tài chính							
1	Góp vốn duy trì tỷ lệ sở hữu 51% Vốn điều lệ tại Công ty Phương Đông Việt	Tỷ đồng	2018	2018	HĐQT	56,0	56,0	0
2	Góp vốn duy trì tỷ lệ sở hữu 51% Vốn điều lệ tại Công ty Nhật Việt	Tỷ đồng	2018	2018	HĐQT	153,0	153,0	0
C	Mua sắm trang thiết bị							
	Mua sắm tài sản trang thiết bị của PV Trans	Tỷ đồng	2018	2018	Phân cấp của TCT	18,7	18,7	0

PHỤ LỤC 04

*(Đính kèm Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/BB-VTDK-ĐHĐCĐ2018 ngày 11/4/2018)*

Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017; Báo cáo hoạt động năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018 của Ban Kiểm soát.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

PHẦN I KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2017

I. Hoạt động của Ban kiểm soát:

1. Về tổ chức:

Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí có 03 thành viên và được phân công công việc cụ thể như sau: Trưởng ban phụ trách chung và 02 thành viên còn lại theo dõi các hoạt động khác do Trưởng ban giao.

Nhân sự Ban Kiểm soát bao gồm:

- Ông Thái Ngọc Lân, Trưởng ban kiểm soát (chuyên trách).
- Ông Phạm Văn Hưng, Kiểm soát viên (kiêm nhiệm).
- Ông Nguyễn Văn Hòa, Kiểm soát viên (kiêm nhiệm).

2. Hoạt động của từng thành viên Ban kiểm soát:

2.1. Hoạt động của Trưởng ban kiểm soát (Thái Ngọc Lân):

- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty.
- Theo dõi, giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, tình hình ban hành và thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Tổng công ty.
- Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm và báo cáo tài chính kiểm toán năm của Tổng công ty.
- Theo dõi, kiểm tra và giám sát tình hình thực hiện và xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra của Cơ quan quản lý Nhà nước và các đoàn kiểm tra nội bộ.
- Kiểm tra việc thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật, biện pháp tiết kiệm chi phí của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.
- Phối hợp với các phòng ban chức năng Tổng công ty kiểm tra, kiểm soát tình hình thực hiện các dự án đầu tư, quyết toán dự án đầu tư của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện công tác quản vốn, tài sản, dòng tiền của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.
- Thực hiện các Báo cáo quản lý vốn hàng quý.
- Tổ chức các cuộc Họp Ban kiểm soát và lấy phiếu ý kiến của các Kiểm soát viên.
- Tham gia và cử nhân sự tham gia Đoàn kiểm tra của Tổng công ty tại các Đơn vị



Thành viên.

2.2. Hoạt động của Kiểm soát viên Phạm văn Hưng (Kiêm nhiệm):

- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 (Thông qua các Báo cáo đơn vị gửi Tập Đoàn, Kiểm tra việc thực hiện qua kiểm tra các Công ty con).
- Theo dõi, giám sát việc thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp của Tổng công ty (Thông qua việc kiểm tra các đơn vị thành viên).
- Kiểm tra các quy trình, quy chế trong Tổng công ty.
- Phối hợp tham gia thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm và báo cáo tài chính kiểm toán năm của Tổng công ty.
- Tham gia Đoàn kiểm tra của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên theo sự phân công của Trưởng ban Kiểm soát.
- Thay mặt Trưởng ban Kiểm soát báo cáo tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 theo ủy quyền của Trưởng ban Kiểm soát.

2.3. Hoạt động của Thành viên Nguyễn văn Hòa (Kiêm nhiệm):

- Phối hợp kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện công tác quản vốn, tài sản, dòng tiền của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.
- Phối hợp tham gia thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm và báo cáo tài chính kiểm toán năm của Tổng công ty.

3. Hoạt động của Ban kiểm soát:

3.1. Hoạt động chung của Ban kiểm soát năm 2018:

- Trong năm 2017, Ban kiểm soát 03 lần họp ban kiểm soát và 01 lần gửi phiếu lấy ý kiến các thành viên.
- Lần họp thứ nhất: Thống nhất đề ông Nguyễn văn Hòa tiếp tục ứng cử Ban Kiểm soát Tổng Công ty nhiệm kỳ mới.
- Lần họp thứ hai: Thông qua việc bầu ông Thái Ngọc Lân làm Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ mới 2017-2023.
- Lần họp thứ ba: Thẩm định Báo cáo tài chính quý 1 và giới thiệu Trưởng ban kiểm soát nhiệm kỳ mới.
- Ban kiểm soát đã thực hiện 04 Báo cáo kiểm tra giám sát, 11 Biên bản kiểm tra và các công văn, biên bản khác.
- Ban kiểm soát đã hoạt động bám sát các nội dung được thông qua tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017; các quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Pháp luật Nhà nước và các quy chế, nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.
- Ban kiểm soát chưa phát hiện hiện tượng vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty trong quá trình sản xuất kinh doanh.

3.2. Kiểm soát hoạt động quản lý và điều hành Tổng công ty:

a. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Tổng công ty gồm có 06 thành viên được Đại hội đồng cổ đông thường niên bầu năm 2017. Các thành viên của Hội đồng quản trị đã hoạt động tích cực

với tinh thần trách nhiệm cao, đưa ra những quyết định chỉ đạo kịp thời. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2017.

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị thông qua các cuộc họp định kỳ, đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định để thực thi nhiệm vụ quản lý điều hành các hoạt động của Tổng Công ty chủ yếu gồm:

- Phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2017 của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí và các ĐVTV.
- Phê duyệt KH SXKD giai đoạn 2016-2020 của các ĐVTV.
- Phê duyệt chủ trương tạm ứng cổ tức của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội.
- Phê duyệt chủ trương bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt.
- Chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội Cổ đông thường niên năm 2017.
- Phê duyệt công tác tổ chức cán bộ, định biên lao động, đơn giá tiền lương năm 2016 của Tổng công ty và các ĐVTV.
- Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành- Dự án chuyển đổi tàu dầu thô 105.000 DWT thành FSO của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương.
- Phê duyệt chủ trương lựa chọn cổ đông góp vốn của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội.
- Bầu chủ tịch HĐQT Tổng công ty sau bầu thành viên HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.
- Một số nội dung liên quan đến việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông năm 2017 của các Đơn vị thành viên, Công ty liên kết của PV Trans.
- Phê duyệt và ban hành "Quy định về chế độ công tác phí, học tập của Tổng công ty CP vận tải Dầu khí.
- Lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2017 của PV Trans.
- Phê duyệt chủ trương chuyển đổi hợp đồng mua bán USD của Công ty CP Vận tải dầu khí Phương Nam.
- Gia hạn Thỏa thuận nguyên tắc số 12/HD2015/PVT-PVO với Tổng Công Dầu Việt Nam.
- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị để các thành viên tập trung thực hiện các công việc của Tổng công ty có liên quan đến lĩnh vực cá nhân thành viên đó phụ trách.
- Xếp nhóm các đơn vị thành viên của PV Trans căn cứ theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016.
- Phê duyệt kế hoạch mua, kết quả lựa chọn tàu, lựa chọn ngân hàng tài trợ và phương án kinh doanh dự tàu chở dầu sản phẩm 13.000 DWT.
- Triển khai chia cổ tức bằng tiền năm 2016 của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí.
- Trích lập Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi năm 2016 của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí.

- Điều chỉnh bổ sung quy hoạch cán bộ đến 2020 và giai đoạn 2020-2025.
- Ký hợp đồng với POVO.
- Chủ trương tăng vốn điều lệ giai đoạn 2016-2020 của Công ty Phương Đông Việt.
- Chủ trương cho Công ty Gas Shipping thuê tàu ngoài.
- Mở bảo lãnh dự thầu gói thầu vận chuyển dầu thô cho NMLD Dung quất.
- Điều chỉnh bổ sung dự án mua tàu LPG 3.500 – 4.000 DWT của Công ty Nhật Việt.
- Điều chỉnh bổ sung dự án mua tàu LPG 3.500 – 4.000 CBM của Công ty Gas Shipping.
- Sửa đổi mẫu văn bản ủy quyền ký với Người đại diện của PVTrans tại DN khác.
- Phê duyệt báo cáo hoạt động năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018 của Ban KTNB.
- Phê duyệt chủ trương ký hợp đồng vận chuyển dầu thô cho NMLD Dung Quất.

Trong quá trình hoạt động, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Tổng Giám đốc trong việc thực thi nhiệm vụ mà ĐHCĐ thông qua, bám sát chiến lược mà Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam phê duyệt. HĐQT luôn tuân thủ Điều lệ Tổng công ty, luật pháp nhà nước. Đồng thời, đoàn kết với Ban điều hành cùng hợp tác nhằm đưa ra các giải pháp hữu hiệu giúp công ty vượt qua những khó khăn.

b. Đối với Tổng giám đốc điều hành:

Cùng với HĐQT, Tổng Giám đốc Tổng công ty có những chỉ đạo rất sát sao và quyết liệt trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Tổng Giám đốc đã có nhiều nỗ lực đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành quản lý và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của Tổng công ty, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và các chế độ chính sách cho người lao động.

- Tổng Giám đốc Tổng công ty đã có những giải pháp quyết liệt để chấn chỉnh và nâng cao công tác quản lý, nâng cao hiệu quả SXKD và chủ động có nhiều giải pháp cả về thị trường, đa dạng hóa dịch vụ, xử lý tài chính, tiết kiệm chi phí, hợp lý hóa sản xuất tái cấu trúc mô hình quản lý, tái cấu trúc tài sản xấu, nâng cao năng lực quản lý kỹ thuật tàu thay thế công ty nước ngoài... Tập thể Tổng công ty có sự đoàn kết, nhất trí cao đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, khắc phục những khó khăn, quyết tâm duy trì, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Trans trong giai đoạn khó khăn hiện nay.

- Thực hiện quyết liệt công tác tiết kiệm, chống lãng phí và đặc biệt là kiểm soát các định mức tiêu hao nhiên liệu, định mức hao hụt hàng hoá, kiểm soát chặt chẽ ngân sách cho từng tàu, từng đơn vị...

- Giao cho các Đơn vị chủ động đề xuất phương án sản xuất kinh doanh các giải pháp vượt khó khăn để hoàn thành kế hoạch được giao. Lãnh đạo Tổng công ty tập trung chỉ đạo tháo gỡ từng khó khăn, hỗ trợ cho đơn vị.

- Phối hợp với các tổ chức Đảng, đoàn thể trong Tổng công ty để nâng cao hiệu quả điều hành và đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

3.3. Kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Tổng công ty:

a. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Có thể nói năm 2017 là một năm còn nhiều khó khăn với PV Trans nói riêng và lĩnh vực vận tải biển nói chung.

Tuy nhiên, PV Trans đã nỗ lực hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu được giao cả của Công ty mẹ và hợp nhất.

a.1. Kết quả đạt được (Theo báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán) cụ thể như sau:

Số liệu hợp nhất:

- Doanh thu và thu nhập khác: 6.357 tỷ đồng (đạt 127 % kế hoạch);
- Lợi nhuận trước thuế: 671 tỷ đồng (đạt 168 % kế hoạch);
- Lợi nhuận sau thuế: 534 tỷ đồng (đạt 163 % kế hoạch);
- Nộp ngân sách Nhà nước: 348 tỷ đồng (đạt 145 % kế hoạch).

Số liệu Công ty mẹ:

- Doanh thu và thu nhập khác: 2.598 tỷ đồng (đạt 129 % kế hoạch);
- Lợi nhuận trước thuế: 488,4 tỷ đồng (đạt 195 % kế hoạch);
- Lợi nhuận sau thuế: 393,0 tỷ đồng (đạt 187 % kế hoạch);
- Nộp ngân sách Nhà nước: 224,9 tỷ đồng (đạt 180% kế hoạch).

Trong năm 2017, PV Trans đã có sự chỉ đạo toàn diện để không những Công ty mẹ mà cả các công ty thành viên đều hoạt động ổn định. Tất cả các đơn vị thành viên đều hoạt động có lãi và hoàn thành kế hoạch được giao.

a.2. Hoạt động sản xuất kinh doanh:

- PV Trans đã đảm nhiệm tốt vai trò đầu mối vận chuyển dầu thô, dầu sản phẩm, LPG... góp phần đảm bảo hoạt động ổn định liên tục cho Mỏ Bạch Hổ, Nhà máy Lọc dầu Dung Quất; Tham gia vận chuyển than cho Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1.

- Vận chuyển an toàn, hiệu quả hơn 8,2 triệu tấn hàng lỏng các loại ở trong nước, trong đó: vận chuyển 78 chuyến dầu thô đầu vào cho Nhà máy Lọc dầu Dung Quất với tổng khối lượng vận chuyển là 6,06 triệu tấn; Vận chuyển 271 chuyến dầu sản phẩm cho PV Oil và các khách hàng khác với khối lượng hơn 1,15 triệu m³; Vận chuyển LPG an toàn, kịp thời cho các khách hàng trong nước và quốc tế được 1.087 chuyến hàng với khối lượng khoảng 1,046 triệu tấn hàng sản phẩm khí các loại, tăng 20% so với năm 2016.

- Ngoài việc phục vụ cho thị trường vận tải nội địa, PV Trans tiếp tục khai thác trung bình 8 - 10 tàu tại thị trường quốc tế.

- Bên cạnh đó, PV Trans đã tham gia vận chuyển cho NMNĐ Vũng Áng 1, Duyên Hải 1 và chuyên tải NMNĐ Duyên Hải 3 với tổng sản lượng khoảng 1,28 triệu tấn và đang làm việc với các bên liên quan để xây dựng các phương án và tuyến vận chuyển cho NMNĐ Thái Bình 1&2/Long Phú 1 & Sông Hậu 1.

- Dịch vụ tàu FSO: PV Trans tiếp tục vận hành ổn định, an toàn tàu FSO PVN Đại Hùng Queen tại mỏ Đại Hùng, góp phần vào hoạt động khai thác an toàn và ổn định của mỏ Đại Hùng.

- Đối với việc quản lý vận hành tàu FPSO Lewek Emas tại Mỏ Chim Sáo, PV Trans tiếp tục duy trì số lượng nhân sự vận hành trên tàu, cũng như quản lý trên bờ với

99% người Việt Nam do PV Trans cung cấp, điều hành.

- Triển khai thực hiện hợp đồng dịch vụ O&M với chủ tàu FPSO Sông Đốc (MV 19).

- Tiếp tục duy trì ổn định hoạt động vận tải đường bộ bao gồm đội xe văn phòng, đội xe container và đội xe bồn vận chuyên xăng dầu/LPG, tham gia vận chuyển CNG cho khách hàng CNG Việt Nam và Công ty Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc.

b. Công tác Tài chính kế toán/Quản trị:

- Các báo cáo tài chính hàng quý của Tổng công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Tổng công ty tại từng thời điểm, đồng thời phù hợp với các chuẩn mực chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý liên quan.

- Công tác quản trị được hoàn thiện. Hệ thống kế toán quản trị của PV Trans được đánh giá tốt.

- Hiện tại, PV Trans đang là đơn vị vận tải biển có giá trị vốn hóa lớn nhất trên sàn HSX và là đơn vị vận tải có năng lực đội tàu chở hàng lỏng lớn nhất Việt Nam, được nhiều nhà đầu tư/các quỹ trong và ngoài nước quan tâm giao dịch với khối lượng lớn. Trong năm 2017, PVTrans tiếp tục được Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam (VNR) bình chọn xếp hạng 143/500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.

c. Công tác xây dựng và thực hiện các quy định của Tổng công ty:

Tổng công ty đã chú trọng xây dựng và ban hành các Quy chế, Quy định quản lý nội bộ và điều hành doanh nghiệp. Tổng công ty luôn duy trì sửa đổi hiệu chỉnh bản Thỏa ước lao động tập thể và Nội quy lao động theo đúng pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị, nhằm đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ cho người lao động.

II. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2017:

Ban kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính của Tổng công ty các quý trong năm tài chính 2017, kết thúc 31/12/2017 và thống nhất xác nhận kết quả cụ thể như sau:

- Báo cáo tài chính đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Tổng công ty, và được trình bày theo các mẫu báo cáo được quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

- Báo cáo đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2017.

- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế theo chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

- Tổng công ty đã thực hiện báo cáo và công bố các thông tin bất thường, định kỳ theo qui định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

III. Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành:

Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với các đoàn kiểm tra của Tổng công ty triển khai công tác kiểm tra, giám sát tại các đơn vị thành viên cũng như tại bộ máy điều hành Tổng công ty. Qua các cuộc kiểm tra, Ban kiểm soát thông báo kết quả công tác kiểm tra, giám sát với Hội đồng quản trị và Ban điều hành để có những biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.

Hội đồng quản trị Tổng công ty đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết

định của Hội đồng quản trị và các hồ sơ tài liệu theo yêu cầu cho Ban kiểm soát.

Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty khi có yêu cầu.

Trong năm, Hội đồng quản trị Tổng công ty, Ban kiểm soát và Ban điều hành của Tổng công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, hỗ trợ cho Ban kiểm soát thực hiện chức trách nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

IV. Kết luận và kiến nghị:

1. Kết luận:

Các thành viên trong Ban Kiểm soát đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực thi nhiệm vụ, đã thể hiện được tính trung thực, khách quan trong công việc. Tuy nhiên, trong điều kiện môi trường kinh doanh luôn thay đổi, hoạt động kinh doanh còn tiềm ẩn những rủi ro ngoài tầm kiểm soát thì công tác kiểm soát cũng không tránh khỏi những tồn tại mà Ban Kiểm soát cần phải quan tâm, nỗ lực và hoàn thiện hơn nữa trong thời gian tới.

Để đảm bảo công tác quản lý điều hành của Tổng công ty được tốt hơn trong nhiệm kỳ tới, cần tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng công ty.

2. Kiến nghị:

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, rà soát sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định cho phù hợp với Điều lệ mới của Tổng công ty được sửa đổi theo quy định của Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 và Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017.

- Xem xét việc đầu tư góp vốn vào các đơn vị thành viên, đầu tư các dự án tàu để kịp thời nắm bắt các cơ hội kinh doanh, nâng cao năng lực vận chuyển và mở rộng thị phần; nâng cao hiệu quả SXKD của Tổng công ty và các đơn vị; nâng cao hiệu quả đầu tư vốn của Tổng công ty tại đơn vị; duy trì tỷ lệ sở hữu, quyền kiểm soát của PV Trans tại các đơn vị thành viên thuộc ngành nghề kinh doanh cốt lõi.

- Tiếp tục rà soát hoàn thiện các định mức kinh tế - kỹ thuật để làm căn cứ kiểm soát.

PHẦN II

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

Căn cứ vào tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2017 và Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty năm 2018. Ban kiểm soát xin đề ra Kế hoạch hoạt động của Ban năm 2018 như sau:

- Giám sát việc chấp hành Điều lệ Tổng công ty, pháp luật Nhà nước. Giám sát tình hình thực hiện các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty và các quy chế quản lý nội bộ của PV Trans.

- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, Kế hoạch phát triển và tái cơ cấu giai đoạn 2016 – 2020.

- Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị năm 2018. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của PV Trans.
- Theo dõi, kiểm tra và giám sát tình hình thực hiện và xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra.
- Kiểm tra việc thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật, biện pháp tiết kiệm chi phí (Kết hợp kiểm tra tại các đơn vị thành viên).
 - Phối hợp với các phòng ban chức năng kiểm soát hồ sơ dự án đầu tư năm 2018.
 - Theo dõi, giám sát việc thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp của Tổng công ty.
 - Kiểm tra việc cân đối vốn và quản lý dòng tiền.
 - Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước, với Tập đoàn, với kiểm soát viên tại các đơn vị, trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý tại đơn vị thành viên của Tổng công ty.
- Thực hiện báo cáo theo Quy chế quản lý vốn của Tập Đoàn.

PHỤ LỤC 05

*(Đính kèm Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/BB-VTDK-ĐHĐCĐ2018 ngày 11/4/2018)*

Lựa chọn công ty kiểm toán năm 2018

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2018

LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP NĂM 2018

- Thông qua danh sách 3 Công ty kiểm toán độc lập (sắp xếp theo thứ tự a,b,c) để HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính của PV Trans trong năm 2018, cụ thể:

a/ Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;

b/ Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;

c/ Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A & C.

- Ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong ba Công ty kiểm toán nêu trên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm; soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của năm tài chính 2018 theo quy định hiện hành.



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 06

*(Đính kèm Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/BB-VTDK-ĐHĐCĐ2018 ngày 11/4/2018)*

Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2017

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng ... năm 2018

**PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN
 VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ NĂM 2017**

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (MS 420):	396.721.457.462	
1	Các năm trước để lại	3.744.295.037	
2	Năm 2017	392.977.162.425	
II	Lợi nhuận sau thuế được phân phối:	383.616.224.231	
1	Cổ tức bằng tiền mặt (10% vốn điều lệ)	281.442.162.000	10% x VDL
2	Quỹ đầu tư phát triển	78.595.432.485	= I.2 x 20%
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Bao gồm : Khen thưởng Ban điều hành TCT 1%)	23.578.629.746	= I.2 x 6%
III	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để lại:	13.105.233.231	= I - II

PHỤ LỤC 07

*(Đính kèm Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/BB-VTDK-ĐHĐCĐ2018 ngày 11/4/2018)*

**Thù lao của HĐQT, BKS trong năm 2017
và Kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS năm 2018**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH 2018

I. Tình hình thực hiện thù lao, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT, BKS năm 2017:

1. Thù lao của HĐQT, KSV không chuyên trách:

Mức thù lao của thành viên HĐQT và Kiểm soát viên không chuyên trách được ĐHCĐ năm 2017 phê duyệt lần lượt là 3 triệu đồng/người/tháng và 1,5 triệu đồng/người/tháng, tổng số tiền thù lao không chuyên trách của thành viên HĐQT (04 người) và Kiểm soát viên (02 người) năm 2017 là 180 triệu đồng.

Thù lao thực hiện của HĐQT không chuyên trách so với kế hoạch tăng thêm 72 triệu đồng là phần thù lao kiêm nhiệm của Tổng giám đốc và 01 Phó TGĐ kiêm TV HĐQT.

2. Thù lao của HĐQT, KSV chuyên trách:

Mức thù lao của TV HĐQT, KSV chuyên trách được thực hiện theo Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ, Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ LĐTBXH, Quy chế trả lương trả thưởng của Tổng công ty. Mức tiền lương, tiền thưởng của thành viên HĐQT chuyên trách (02 người) là 1.998.947.216 đồng và Kiểm soát viên chuyên trách (01 người) là 849.489.957 đồng.

II. Kế hoạch thù lao, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT, BKS năm 2018:

Trên cơ sở nhân sự HĐQT, BKS năm 2018; Căn cứ Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ, Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ LĐTBXH, Quy chế trả lương trả thưởng của Tổng công ty, Tổng công ty PVTrans báo cáo ĐHCĐ kế hoạch thù lao, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT, BKS năm 2018 như sau:

+ Thù lao Thành viên HĐQT không chuyên trách : 3.000.000 đồng/người/tháng;

+ Thù lao Thành viên BKS không chuyên trách : 2.000.000 đồng/người/tháng.

Tổng số tiền thù lao của Thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách dự kiến: 192.000.000 đồng.

+ Tiền lương, tiền thưởng của Thành viên HĐQT, BKS chuyên trách và thành viên kiêm nhiệm các chức danh trong bộ máy điều hành Tổng công ty: thực hiện theo Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ, Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ LĐTBXH và Quy chế về quản lý tiền lương của PVTrans.

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 08

*(Đính kèm Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/BB-VTDK-ĐHĐCĐ2018 ngày 11/4/2018)*

Điều lệ Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI DẦU KHÍ
(PV TRANS)**

**ĐIỀU LỆ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI DẦU KHÍ**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 4 năm 2018

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
II. TÊN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	4
Điều 2. Tên, người đại diện theo pháp luật, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty.....	4
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY ..	5
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty	5
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	5
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	6
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần	6
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	6
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	7
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	7
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA TỔNG CÔNG TY	7
Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty	7
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	7
Điều 10. Quyền của cổ đông	7
Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông	8
Điều 12. Đại hội đồng cổ đông.....	9
Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 14. Đại diện theo ủy quyền.....	11
Điều 15. Thay đổi các quyền.....	12
Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	18
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	18
Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị.....	18
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	19
Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị	20
Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 26. Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 27. Chủ tịch Hội đồng Quản trị	22
Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị	23
Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	25
Điều 30. Người phụ trách quản trị Tổng công ty	25
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY	26
Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý	26
Điều 32. Người điều hành Tổng công ty	26
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	26
IX. BAN KIỂM SOÁT	27

Điều 34. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	27
Điều 35. Kiểm soát viên	27
Điều 36. Ban Kiểm soát.....	28
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY	29
Điều 37. Trách nhiệm căn trọng	29
Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	29
Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	31
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY	31
Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	31
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	32
Điều 41. Công nhân viên và công đoàn.....	32
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	32
Điều 42. Phân phối lợi nhuận	32
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	32
Điều 43. Tài khoản ngân hàng.....	32
Điều 44. Năm tài chính.....	33
Điều 45. Chế độ kế toán	33
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	33
Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	33
Điều 47. Báo cáo thường niên	33
XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY	34
Điều 48. Kiểm toán.....	34
XVII. CON DẤU	34
Điều 49. Con dấu	34
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	34
Điều 50. Chấm dứt hoạt động.....	34
Điều 51. Thanh lý	34
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	35
Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	35
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	35
Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	35
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	35
Điều 54. Ngày hiệu lực.....	35

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí tổ chức chính thức vào ngày 11 tháng 4 năm 2018.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;
 - b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có);
 - c. "Luật chứng khoán" là luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;
 - e. "Người điều hành Tổng công ty" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty;
 - f. "Người quản lý khác" là người được Hội đồng Quản trị Tổng công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo các quy định tại các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;
 - g. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán;
 - h. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty
 - i. Cổ đông của Tổng công ty là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty;
 - j. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;
 - k. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
2. Điều lệ này có tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, người đại diện theo pháp luật, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty

1. Tên Tổng công ty

- Tên giao dịch: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
- Tên giao dịch quốc tế: PETROVIETNAM TRANSPORTATION CORPORATION
- Tên viết tắt: PV TRANS

2. Tổng công ty là Tổng công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật

hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty là:

▪ Địa chỉ: Tầng 2, toà nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

▪ Điện thoại: (84-28) 39111301

▪ Fax: (84-28) 39111300

▪ Website: www.pvtrans.vn

▪ Email: info@pvtrans.com

4. Tổng công ty có một người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc.

5. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ trường hợp giải thể Tổng công ty theo Khoản 2 Điều 50 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty là:

Kinh doanh vận tải dầu thô, các sản phẩm dầu khí, hóa chất, kinh doanh vận tải hàng rời bằng đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương. Tham gia đào tạo và cung ứng thuyền viên cho các tàu vận tải dầu khí. Thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác với các đối tác trong và ngoài nước. Kinh doanh dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, dịch vụ hàng hải khác. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan. Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế. Kinh doanh vận tải hàng hoá, hành khách bằng ô tô, bằng đường thủy nội địa. Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, dầu khí. Dịch vụ kỹ thuật dầu khí. Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt công trình ngầm dầu khí. Dịch vụ sửa chữa đóng mới các công trình dầu khí. Mua bán vật tư, trang thiết bị phục vụ cho ngành dầu khí và vận tải. Dịch vụ sửa chữa tàu biển. Phá dỡ tàu cũ. Dịch vụ đóng mới tàu biển và các công trình dầu khí (không hoạt động tại trụ sở). Hoạt động của cảng biển, bến tàu, cầu tàu. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản). Dịch vụ quản lý, tư vấn quản lý tàu biển. Cung ứng và quản lý nguồn lao động: cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước, cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài, cung ứng lao động tạm thời, cho thuê lại lao động. Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động: kinh doanh dịch vụ, sản phẩm sinh hoạt đời sống cho các hoạt động của ngành dầu khí. Dịch vụ ăn uống khác. Các ngành nghề kinh doanh khác mà pháp luật không cấm.

2. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty: Giữ vững vị trí là Tổng công ty vận tải biển và dịch vụ hàng hải dầu khí đa sở hữu lớn nhất Việt Nam, đồng thời xây dựng phát triển trở thành thương hiệu vận tải mạnh trong khu vực và quốc tế. Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác, thương mại và các dịch vụ trong các ngành nghề kinh doanh nhằm tối đa hóa giá trị cho Tổng công ty và cổ đông. Đảm bảo quyền lợi và điều kiện làm việc tốt cho người lao động và đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Tổng công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh

theo ngành nghề của Tổng công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.

2. Tổng công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề mà luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty là **2.814.401.620.000 VND**.

(Bằng chữ: Hai ngàn tám trăm mười bốn tỷ bốn trăm lẻ một triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành **281.440.162 cổ phần (Hai trăm tám mươi một triệu bốn trăm bốn mươi ngàn một trăm sáu mươi hai cổ phần)** với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phần.

2. Tổng công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm **281.440.162 cổ phần phổ thông (Hai trăm tám mươi một triệu bốn trăm bốn mươi ngàn một trăm sáu mươi hai cổ phần)**, các quyền và nghĩa vụ kèm theo được quy định tại Điều 10, Điều 11 Điều lệ này.

4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Tổng công ty quyết định theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Tổng công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Tổng công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát

hành cổ phiếu của Tổng công ty, người sở hữu số cổ phần được ghi tăng số cổ phần tương ứng đã mua trên tài khoản lưu ký chứng khoán hoặc được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới, cổ đông được Tổng công ty cấp lại chứng nhận cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó tuân thủ đúng trình tự pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật doanh nghiệp và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tổng công ty (nếu có).

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ hoặc bị hạn chế chuyển nhượng theo phương án phát hành sẽ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Tổng công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện thông qua các hình thức bỏ phiếu biểu quyết khác theo quy định của pháp luật;
- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
- d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
- e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông đó và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của cổ đông đó;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Tổng công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất từ sáu (06) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị và/hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 23 và Khoản 1 Điều 34 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký sở hữu cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Các quyền khác được quy định của Pháp luật và tại Điều lệ này

Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và quy chế nội bộ về quản trị của Tổng công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị Tổng công ty làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy định cụ thể của Tổng công ty khi tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ

chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng công ty.

Điều 12. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng Quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Tổng công ty có thể mời đại diện Công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông để giải thích các nội dung liên quan đến Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.

3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;

b. Báo cáo tài chính đã kiểm toán sáu (06) tháng hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty.

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.

e. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Người điều hành Tổng công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tổng công ty;
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng Quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình của Tổng công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông của Tổng công ty;
 - l. Quyết định đầu tư, hoặc bán số tài sản Tổng công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
 - m. Quyết định mua lại từ 10% trở lên tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - n. Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

o. Các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 13 này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của Pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Tổ chức, cá nhân là cổ đông của Tổng công ty có sở hữu ít nhất từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có thể ủy quyền tối đa cho 03 người đại diện. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông Tổng công ty không xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền cho từng người đại diện thì số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng công ty cung cấp hoặc được công chứng theo quy định của pháp luật và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức, cá nhân người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp và tỷ lệ cổ phần tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 14 này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về

một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 15. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có đại diện của cổ đông nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại diện như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ đại diện yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17 và Điều 18 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố bằng phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội

được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn địa chỉ trang thông tin điện tử có toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên trong trường hợp đã xác định được trước ứng viên và thông tin liên quan đến các ứng viên đó;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm việc đề cử ứng viên thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên trong trường hợp chưa xác định trước ứng viên. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, chứng minh thư nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp/thông tin ứng viên (nếu có) theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 và Khoản 1 Điều 34 Điều lệ này.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:

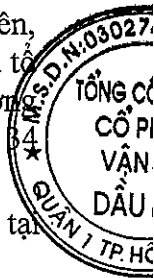
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba thì được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông và đại diện uỷ quyền dự họp, được coi là



hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một (01) phiếu biểu quyết. Nội dung của phiếu biểu quyết bao gồm: họ và tên của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện của cổ đông đó, các vấn đề cần được biểu quyết. Phiếu biểu quyết phải bao gồm các nội dung cần được thông qua tại Đại hội theo chương trình nghị sự đã được thông qua. Khi được phát phiếu biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền phải kiểm tra thông tin, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết nhận được, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu. Phiếu biểu quyết được coi là hợp lệ khi có đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu trên phiếu biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền có quyền quyết định đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến bằng cách đánh dấu theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu vào ô tương ứng với lựa chọn của mình cho từng vấn đề cần biểu quyết trên phiếu biểu quyết.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung trước đó đã biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại Khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ

đồng hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Tổng công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông tán thành:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty so với cơ cấu tổ chức quy định tại Điều 9 Điều lệ này và ngoại trừ thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này và theo quy định tại các quy chế nội bộ của Tổng công ty;
- d. Dự án đầu tư, bán tài sản của Tổng công ty hoặc ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán.

e. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Hội

đồng quản trị và Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị sẽ quyết định phương thức biểu quyết phù hợp với các quy định tại Điều lệ này. Trường hợp biểu quyết theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử của Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.

2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Tổng công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Tổng công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày hoặc thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ

đồng về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và/hoặc tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong vòng 24 giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

5. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại quyết định đó.

Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, hủy bỏ quyết định hoặc một phần nội dung quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 19 Điều lệ này.

2. Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung

thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng Quản trị của Tổng công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Thủ tục Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;
- b. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Tổng công ty;
- d. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có

những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Tổng công ty có thể tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm thành viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Tổng công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế thành viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị đó. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

4. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
5. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi miễn các thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể không phải là cổ đông của Tổng công ty và không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư hàng năm của Tổng công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Tổng công ty, quyết định mức lương và các quyền lợi khác của họ theo quy định quản lý nội bộ của Tổng công ty. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó theo quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;
 - d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty;

e. Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với Người điều hành Tổng công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó;

f. Quyết định tổ chức bộ máy quản lý của Tổng công ty, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, việc thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Tổng công ty;

h. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

j. Kiến nghị mức cổ tức hàng năm và mức cổ tức tạm ứng, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền của Tổng công ty khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

n. Trình Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của Tổng công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có);

3. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị tạm phê duyệt bổ sung ngành nghề kinh doanh phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn của Tổng công ty và theo quy định của pháp luật. Việc tạm phê duyệt bổ sung ngành nghề kinh doanh phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Tổng công ty;

b. Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm của Tổng công ty.

c. Thành lập công ty con của Tổng công ty; mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn của công ty con của Tổng công ty.

d. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 135 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của Tổng công ty;

e. Việc vay nợ, thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng công ty theo phân cấp tại các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

f. Các khoản đầu tư, thanh lý tài sản dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Tổng công ty và theo phân cấp tại các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá các tài sản góp vào Tổng công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở



hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết công nghệ và các loại tài sản phi tiền tệ khác;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Tổng công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng Quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

5. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Tổng công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.

Điều 26. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng Quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Tổng công ty, công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng Quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Tổng công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị.

Điều 27. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị bầu một thành viên của Hội đồng Quản trị làm Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ toạ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Tổng công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức, bị bãi miễn hoặc hết nhiệm kỳ thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị phải họp trong thời hạn mười (10) ngày làm việc để bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay thế. Trường hợp sau mười (10) ngày làm việc, Hội

đồng Quản trị vẫn chưa tổ chức cuộc họp để bầu Chủ tịch, Ban Kiểm soát sẽ chủ trì triệu tập tổ chức cuộc họp của Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch.

5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng công ty không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Tổng công ty.

Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị thường kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một (01) lần.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban Kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị.

3. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại Khoản 2 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 2 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

4. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng công ty.

5. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc tại địa điểm khác tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.

6. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp. Thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp-bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, nội dung các vấn đề thảo luận kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và các phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng buro điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai (02) được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

8. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến

giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng Quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.

9. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

10. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được uỷ quyền theo quy định tại Khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 39 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

11. Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Tổng công ty, thành viên Hội đồng Quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

12. Hội đồng Quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối

ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị là phiếu quyết định.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng Quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản phải có chữ ký của tất cả chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp và người ghi biên bản cuộc họp hoặc biên bản có thể được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản phải có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc phụ trách về chính sách phát triển, lương thưởng, nhân sự, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định và có thể có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị/thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành có thể chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm là trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

Điều 30. Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. Hội đồng Quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty do Hội đồng Quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng Quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tổng công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;

- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm theo phân cấp trong quy chế nội bộ của Tổng công ty. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh thuộc phân cấp của Hội đồng Quản trị phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng Quản trị.

Điều 32. Người điều hành Tổng công ty

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng Người điều hành với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty do Hội đồng Quản trị quy định. Người điều hành Tổng công ty phải có trách nhiệm đảm bảo để Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định. Hợp đồng với những Người điều hành khác do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế nội bộ của Tổng công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Tổng công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng Quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng công ty;

e. Kiến nghị số lượng Người điều hành Tổng công ty mà Tổng công ty cần tuyển dụng để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ của Tổng công ty và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với Người điều hành Tổng công ty để Hội đồng Quản trị quyết định;

f. Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của các chức danh thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc theo quy định tại các quy chế nội bộ của Tổng công ty;

g. Trình Hội đồng Quản trị phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách, kế hoạch tài chính năm của Tổng công ty;

h. Chuẩn bị các bản kế hoạch dài hạn của Tổng công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn của Tổng công ty theo mục tiêu, chiến lược phát triển. Bản kế hoạch dài hạn cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng Quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế nội bộ của Tổng công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Tổng công ty, các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử, tiêu chuẩn Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 23 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Thủ tục Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên của Tổng công ty có từ ba (03) đến năm (5) người. Số lượng cụ thể các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được

bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 20 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ và Điều lệ Tổng công ty.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng Ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Tổng công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn bằng văn bản xin từ chức gửi đến trụ sở chính của Tổng công ty;
 - d. Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và Kiểm soát viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Tổng công ty có thể tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm Kiểm soát viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Tổng công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp tạm thời làm Kiểm soát viên để thay thế Kiểm soát viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời Kiểm soát viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm Kiểm soát viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban Kiểm soát tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Kiểm soát viên đó. Trong trường hợp Kiểm soát viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban Kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của Kiểm soát viên tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- e. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - f. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
 - g. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - h. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 36. Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính Tổng công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành Tổng công ty, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành Tổng công ty, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng Quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp;

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành Tổng công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Tổng công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng Quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY

Điều 37. Trách nhiệm căn trọng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành Tổng công ty có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty.

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định Pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tổng công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Tổng công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành Tổng công ty và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp Công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các Công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm Công ty mẹ, Công ty con hoặc Tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tổng công ty với cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ hoặc thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành Tổng công ty và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc Tổng công ty, đối tác, hiệp hội, tổ chức mà thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành Tổng công ty hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận:

a. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản Tổng công ty ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;

b. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại mục a khoản 5 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành;

c. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại mục a và mục b khoản 5 Điều này, gây thiệt hại cho Tổng công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Tổng công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó;

d. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tổng công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành Tổng công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành Tổng công ty, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Tổng công ty với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, Người điều hành Tổng công ty, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Tổng công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Tổng công ty, thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Người điều hành Tổng công ty, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Tổng công ty được Tổng công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

c. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 23 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Tổng công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Tổng công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát,

báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 41. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Tổng công ty.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 42. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty.

2. Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng Quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các loại cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua các công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác;

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 43. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước



ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Tổng công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

Điều 44. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.

Điều 45. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.

3. Tổng công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Tổng công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, Tổng công ty phải lập báo cáo tài chính năm năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này. Tổng công ty phải nộp và công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán cho cơ quan thuế, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Tổng công ty trong năm tài chính; bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty tính đến thời điểm lập báo cáo.

3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, cơ quan thuế và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 47. Báo cáo thường niên

Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 48. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng Quản trị. Tổng công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Tổng công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, được quyền nhận các thông báo, các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 49. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Tổng công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

2. Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

1. Tổng công ty có thể bị giải thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 51. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Tổng công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các luật khác, Điều lệ Tổng công ty, các quy định quy định giữa:

- a. Cổ đông với Tổng công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc hay Người điều hành Tổng công ty;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban chấp hành công đoàn Tổng công ty chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp thuận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Toà án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 54. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 54 điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí nhất trí thông qua ngày 11 tháng 04 năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;

b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;

c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Tổng công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.

**HỌ, TÊN, CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

01 Nguyễn Xuân Sơn

02 Phạm Việt Anh

03 Mai Thế Toàn

04 Phạm Anh Tuấn

05 Lê Mạnh Tuấn

06 Nguyễn Quốc Phương

PHỤ LỤC 09

*(Đính kèm Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/BB-VTDK-ĐHĐCĐ2018 ngày 11/4/2018)*

Quy chế nội bộ về quản trị công ty

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI DẦU KHÍ
(PV TRANS)**

**QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI DẦU KHÍ**

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**
(Ban hành theo Nghị quyết số/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ ngày .../4/2018
của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần vận tải Dầu khí)

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) được xây dựng dựa trên Điều lệ Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí, Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 và các văn bản pháp luật liên quan khác.

Điều 2: Giải thích thuật ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- **Quản trị Tổng công ty:** là hệ thống các nguyên tắc đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý; đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan; đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông; công khai minh bạch mọi hoạt động của Tổng công ty;
- **Luật Doanh nghiệp:** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có);
- **Luật chứng khoán:** là luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);
- **Người có liên quan:** là cá nhân, tổ chức được quy định tại “Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp” và “Khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán”;
- **Người điều hành Tổng công ty:** là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty;
- **Người quản lý khác:** là người được Hội đồng Quản trị Tổng công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm theo các quy định tại các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;
- **Cổ đông của Tổng công ty:** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty;
- **Cổ đông lớn:** là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty;
- **Nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành:** Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về Quản trị Tổng công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

**CHƯƠNG II
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP
VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Điều 3: Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội

đồng cổ đông

1. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được cung cấp bởi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD). Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4: Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố bằng phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

2. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn địa chỉ trang thông tin điện tử có toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên trong trường hợp đã xác định được trước ứng viên và thông tin liên quan đến các ứng viên đó;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 5: Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị Tổng công ty làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy định cụ thể của Tổng công ty khi tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

2. Các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết hoặc người được ủy quyền dự họp có quyền biểu quyết (theo danh sách chốt cổ đông để thực hiện quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp) có mặt tại Đại hội và thực hiện đăng ký tham dự Đại hội một cách hợp lệ theo quy định do Tổng công ty công bố.

3. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty phải thực hiện thủ

tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Điều 6: Ban kiểm phiếu

1. Việc kiểm phiếu sẽ được thực hiện thông qua Ban Kiểm phiếu. Ban Tổ chức Đại hội sẽ chuẩn bị và đề xuất với Đại hội đồng cổ đông một (01) Ban Kiểm phiếu để chịu trách nhiệm: Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội; Giới thiệu và phát phiếu bầu, hướng dẫn và giải đáp thắc mắc trong quá trình bầu cử/biểu quyết; Tiến hành kiểm phiếu; Công bố kết quả bầu cử/biểu quyết trước Đại hội. Số lượng, thành phần Ban Kiểm phiếu được Ban tổ chức đề cử và được các cổ đông tham dự Đại hội thông qua tại Đại hội theo hình thức biểu quyết công khai.

2. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 7: Nguyên tắc và cách thức bỏ phiếu

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một (01) phiếu biểu quyết. Nội dung của phiếu biểu quyết bao gồm: họ và tên của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện của cổ đông đó, các vấn đề cần được biểu quyết. Phiếu biểu quyết phải bao gồm các nội dung cần được thông qua tại Đại hội theo chương trình nghị sự đã được thông qua.

2. Khi được phát phiếu biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền phải kiểm tra thông tin, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết nhận được, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu. Phiếu biểu quyết được coi là hợp lệ khi có đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu trên phiếu biểu quyết.

3. Khi tiến hành biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền có quyền quyết định đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến bằng cách đánh dấu theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu vào ô tương ứng với lựa chọn của mình cho từng vấn đề cần biểu quyết trên phiếu biểu quyết.

4. Trước khi bỏ phiếu, Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra tình trạng hòm phiếu trước sự chứng kiến của cổ đông có mặt tại Đại hội.

5. Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có thông báo của đại diện Ban Kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu cử/biểu quyết vào hòm phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm thông báo tùy thuộc vào sự việc nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được Ban Kiểm phiếu niêm phong.

6. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 8: Cách thức kiểm phiếu

Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu theo quy định như sau:

a. Ban Kiểm phiếu làm việc trong 01 phòng làm việc/khu vực riêng;

b. Ban Kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu;

- c. Kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu bầu cử/biểu quyết;
- d. Kiểm tra lần lượt từng phiếu bầu cử/biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu;
- e. Niêm phong toàn bộ các phiếu bầu cử/biểu quyết và bàn giao lại cho Chủ tọa.

Điều 9: Lập và công bố biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu xong, Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả bầu cử/biểu quyết và lập thành Biên bản Kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu sẽ được các thành viên của Ban Kiểm phiếu ký để xác nhận về tính chính xác, minh bạch và đúng nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu.

2. Nội dung Biên bản Kiểm phiếu phải ghi rõ các nội dung: Thành phần Ban Kiểm phiếu; thời gian, địa điểm tiến hành kiểm phiếu, danh sách đề cử; tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu; Tổng số cổ phần có quyền bầu cử/biểu quyết có mặt tại Đại hội; Tổng số phiếu phát ra; tổng số phiếu thu về; Tổng số phiếu không hợp lệ; Tổng số phiếu hợp lệ; Tổng số phiếu đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến và tỷ lệ biểu quyết tương ứng với từng nội dung biểu quyết; Số cổ phần biểu quyết cho từng ứng viên vào HĐQT và BKS, Danh sách trúng cử; chữ ký của thành viên Ban Kiểm phiếu.

3. Nội dung Biên bản Kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội. Trưởng Ban Kiểm phiếu có thể thay mặt Chủ tọa công bố kết quả bầu cử/biểu quyết.

Điều 10: Nội dung biểu quyết được thông qua

Các nội dung biểu quyết được thông qua khi số cổ phần đồng ý trên số cổ phiếu biểu quyết hợp lệ thu về đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 Điều lệ Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.

Điều 11: Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản cuộc họp có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông/đại diện ủy quyền và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu của các cổ đông/đại diện ủy quyền dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông/đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông/người được ủy quyền đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 12: Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được lập và công bố cùng thời điểm với Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13: Yêu cầu hủy bỏ quyết định Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ Tổng công ty có quyền yêu cầu Toà án xem xét, hủy bỏ quyết định hoặc một phần nội dung quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 19 Điều lệ Tổng công ty.
2. Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Toà án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 14: Hiệu lực các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 15: Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.

2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Tổng công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Tổng công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của người không phải là Người điều hành Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày hoặc thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất **51%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

10. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm của Tổng công ty không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

CHƯƠNG III

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16: Ứng cử, đề cử người thành viên Hội đồng Quản trị Tổng công ty

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng Quản trị của Tổng công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng

có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế khác được quy định tại quy chế bầu cử được thông qua tại đại hội. Thủ tục Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 17: Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty;

c) Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng không quá 05 (năm) công ty khác;

d) Thành viên Hội đồng Quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ - Tổng công ty;

e) Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty, công ty con của Tổng công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng công ty, công ty con của Tổng công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng công ty; là Người điều hành của Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát của Tổng công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

f) Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 18: Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị có thể thực hiện theo phương thức

biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định lựa chọn cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo một trong hai phương thức nêu trên. Trường hợp biểu quyết theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số lượng thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Đại hội đồng cổ đông hoặc quy chế bầu cử. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử của Đại hội đồng cổ đông.

2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Tổng công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế thành viên bị miễn nhiệm. Việc bầu tạm thời thành viên mới này phải được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị đó. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn ba mươi (30) ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng Quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 19: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;
 - b. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Tổng công ty;
 - d. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
2. Thành viên Hội đồng Quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 20: Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21: Thông báo họp, điều kiện họp, cách thức biểu quyết và thông qua nghị quyết Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị.

3. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại Khoản 2 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 2 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

4. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng công ty.

5. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.

6. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng Quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập

lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai (02) được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

8. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng Quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.

9. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

10. Cách thức biểu quyết:

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 10 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 7 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 10 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 38 Điều lệ Tổng công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

11. Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội

đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Tổng công ty, thành viên Hội đồng Quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc họp đồng nêu trên.

12. Hội đồng Quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị là phiếu quyết định.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 22: Ghi biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua;
- i. Họ tên chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự họp và người ghi biên bản cuộc họp hoặc biên bản có thể được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất nhất một (01) thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng Quản trị, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị tới các thành viên và là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp.

3. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 23: Công bố thông tin Nghị quyết Hội đồng Quản trị

Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu) hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Tổng công ty theo trình tự quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán.



CHƯƠNG V

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 24: Cách thức ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Điều 16 và Điều 18 Quy chế này về việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế khác được quy định tại quy chế bầu cử được thông qua tại Đại hội. Thủ tục Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 25: Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

Kiểm soát viên Tổng công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 20 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ, cụ thể như sau:

- a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này;
- b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- c. Không được giữ các chức vụ quản lý Tổng công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;
- d. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
- e. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
- f. Kiểm soát viên Tổng công ty phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

Điều 26: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn bằng văn bản xin từ chức gửi đến trụ sở chính của Tổng công ty;
 - d. Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và Kiểm soát viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Tổng công ty có thể tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm Kiểm soát viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Tổng công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp tạm thời làm Kiểm soát viên để thay thế Kiểm soát viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời Kiểm soát viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm Kiểm soát viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban Kiểm soát tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Kiểm soát viên đó. Trong trường hợp Kiểm soát viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban Kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia ý kiến của Kiểm soát viên tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- e. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- f. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
- g. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- h. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 27: Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát phải được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 28: Các tiểu ban, cơ cấu, tiêu chuẩn, trách nhiệm thành viên và trưởng tiểu ban

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định và có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị/thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành có thể chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng Quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

3. Hội đồng Quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các Tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên cũng như Trưởng tiểu ban.

CHƯƠNG VII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 29: Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm theo phân cấp trong quy chế nội bộ của Tổng công ty. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh thuộc phân cấp của Hội đồng Quản trị phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng Quản trị.

Điều 30: Người điều hành Tổng công ty

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng Người điều hành với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty do Hội đồng Quản trị quy định. Người điều hành Tổng công ty phải có trách nhiệm đảm bảo để Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định và hợp đồng với những Người điều hành khác do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 31: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm kỳ của Tổng giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty.

■ Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại điều 65 và điều 157 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định nội bộ của Tổng công ty.

3. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 32: Công bố thông tin về bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp

Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,

BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 33: Trách nhiệm ban hành các quy chế phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

Hội đồng Quản trị Tổng công ty căn cứ quyền, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc Tổng công ty để xây dựng ban hành các Quy chế, quy định cụ thể về hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và sự phối hợp giữa Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc Tổng công ty trong các công tác quản lý, kiểm tra giám sát,

quản trị điều hành Tổng công ty.

Điều 34: Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Các thủ tục, trình tự họp tương tự như quy định tại Điều 21 Quy chế này.
2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng công ty, chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát.

Điều 35: Thông báo nghị quyết của Hội đồng Quản trị cho Ban kiểm soát

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Tổng công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng Quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều 36: Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

Tổng giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm thực hiện các báo cáo định kỳ và bất thường theo yêu cầu cho Hội đồng quản trị và/hoặc Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề cụ thể như sau:

1. Báo cáo Hội đồng quản trị Tổng công ty:
 - a. Định kỳ báo cáo Hội đồng quản trị Tổng công ty về tình hình thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao theo quy định tại khoản 3 điều 33 Điều lệ Tổng công ty và các công việc khác được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ủy quyền thực hiện;
 - b. Báo cáo Hội đồng Quản trị về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Thực hiện báo cáo đột xuất về các vấn đề theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và/hoặc Ban kiểm soát.
2. Báo cáo và giải trình trước Đại hội đồng cổ đông về:
 - a. Tình hình thực hiện định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm trên cơ sở các nghị quyết đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;
 - b. Tình hình sử dụng vốn; đầu tư mua sắm, cầm cố, thuê, cho thuê, thanh lý, chuyển nhượng các tài sản cố định, sử dụng lao động và các vấn đề khác thuộc quyền hạn của Tổng giám đốc Tổng công ty theo quy định tại khoản 3 điều 33 Điều lệ Tổng công ty;
 - c. Các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan, chính quyền các cấp về bảo đảm an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường cũng như những hoạt động xã hội khác của Tổng công ty;
 - d. Tổng giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý việc cấp sổ chứng nhận cổ đông, thay đổi thông tin cổ đông, quản lý việc thực hiện các quyền khác của cổ đông theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và pháp luật.
 - e. Các nội dung khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37: Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng Quản trị đối với Tổng giám đốc

Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng giám đốc và Người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Tổng công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.

Điều 38: Cách thức Tổng giám đốc cung cấp thông tin và thông báo cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát

Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty phải báo cáo, cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Tổng công ty theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị và/hoặc Ban kiểm soát, hoặc các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty. Việc gửi báo cáo, cung cấp thông tin và tài liệu nêu trên phải đảm bảo đến đúng địa chỉ đã được thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên đăng ký với Tổng công ty hoặc theo địa chỉ được yêu cầu.

Điều 39: Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng Quản trị, các Kiểm soát viên và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát Tổng công ty căn cứ quyền, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Tổng công ty và các Người điều hành doanh nghiệp để ban hành các Quy chế nội bộ về việc phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng Quản trị, các Kiểm soát viên và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các văn bản pháp luật.

CHƯƠNG IX

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 40: Quy định về đánh giá hàng năm, khen thưởng và kỷ luật

Hội đồng Quản trị Tổng công ty căn cứ quyền, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Tổng công ty và các Người điều hành doanh nghiệp để ban hành các Quy chế về việc đánh giá hoàn thành kế hoạch, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành của Tổng công ty.

CHƯƠNG X

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

Điều 41: Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. Hội đồng Quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty do Hội đồng Quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.

3. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng Quản trị.

4. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tổng công ty tùy từng thời điểm.

5. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

6. Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi miễn Người phụ trách quản trị Tổng công ty được công bố thông tin theo quy định của pháp luật./.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Vào hồi 8 giờ 30 phút ngày 11/4/2018 tại Phòng họp Hội nghị, Lầu 1 - KS Novotel Saigon Centre, 167 Đường Hai Bà Trưng, P.6, Quận 3, Tp. HCM, Tp. Hồ Chí Minh.

TM. Tổ Kiểm tra tư cách cổ đông chúng tôi gồm có:

1. Bà Vũ Thị Phương Nga – Tổ trưởng.
2. Ông Nguyễn Bá Nghị - Tổ phó
3. Bà Vũ Thị Lan Anh – Tổ viên

Tổ Kiểm tra tư cách cổ đông đã tiến hành kiểm tra tư cách các cổ đông đến tham dự Đại hội với kết quả cụ thể như sau:

Số cổ đông tham dự đại hội	:	133 cổ đông
Trong đó: + Tham dự trực tiếp	:	90 cổ đông
+ Tham dự thông qua ủy quyền	:	43 cổ đông

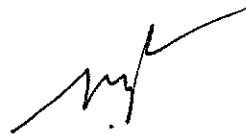
Đại diện cho quyền sở hữu 225.436.286 cổ phần, bằng 80,10% số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công ty theo danh sách chốt cổ đông ngày 28/03/2018.

Căn cứ Khoản 1 - Điều 141 - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014: Để tổ chức ĐHCĐ phải có đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết của doanh nghiệp tham dự. Như vậy, Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí với thành phần tham dự như trên là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành Đại hội.

Báo cáo Kiểm tra tư cách cổ đông được lập vào hồi 8 giờ 30 phút ngày 11/4/2018 và được báo cáo công khai trước Đại hội.

Trân trọng kính chào./.

TM. TỔ KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG



Nguyễn Bá Nghị



BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
BẦU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2018-2023 TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2018 CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Hôm nay, vào lúc 11 giờ 15 phút, ngày 11/4/2018 tại Phòng họp Hội nghị, Lầu 1 - KS Novotel Saigon Centre, 167 Đường Hai Bà Trưng, P.6, Quận 3, Tp. HCM, Tp. Hồ Chí Minh.

TM. Ban Kiểm phiếu chúng tôi gồm có:

1. Ông Lê Nguyễn Thanh Hải.
2. Ông Bùi Hữu Cơ.
3. Ông Phạm Hồng Đạt

Đã tiến hành kiểm tra phiếu bầu Ban Kiểm soát của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí nhiệm kỳ 2018-2023 với kết quả như sau:

- + Tổng số phiếu phát ra 133 phiếu;
- + Tổng số phiếu thu về 98 phiếu; Trong đó:
 - Số phiếu hợp lệ 81 phiếu.
 - Số phiếu không hợp lệ 17 phiếu

1. Kết quả bầu cử thành viên Ban Kiểm soát:

- + Bà Nguyễn Thị Kim Anh - số phiếu bầu 209.780.963 phiếu/438.199.362 quyền bầu (tỷ lệ bầu 47,87%).
- + Ông Kim Kwang Hyuk - số phiếu bầu 228.414.769 phiếu/438.199.362 quyền bầu (tỷ lệ bầu 52,13%).

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ bầu cử thì các thành viên này được trúng cử vào Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí nhiệm kỳ 2018-2023.

Biên bản kiểm phiếu được các thành viên Ban kiểm phiếu thống nhất ký tên xác nhận và được báo cáo công khai trước Đại hội.

BAN KIỂM PHIẾU



Bùi Hữu Cơ



Lê Nguyễn Thanh Hải



Phạm Hồng Đạt

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**

Hôm nay, vào lúc 44 giờ 15 phút, ngày 11/4/2018 tại Phòng họp Hội nghị, Lầu 1 - KS Novotel Saigon Centre, 167 Đường Hai Bà Trưng, P.6, Quận 3, Tp. HCM, Tp. Hồ Chí Minh.

TM. Ban Kiểm phiếu chúng tôi gồm có:

1. Ông Lê Nguyễn Thanh Hải.
2. Ông Bùi Hữu Cơ.
3. Ông Phạm Hồng Đạt

Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Tổ kiểm phiếu xin thông báo kết quả các nội dung biểu quyết tại ĐHCĐ thường niên năm 2018 của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí như sau:

Tổng số phiếu phát ra 133 phiếu;

Tổng số phiếu thu về 99.phiếu;

Tổng số phiếu hợp lệ 96 phiếu.

Kết quả các nội dung biểu quyết cụ thể như sau:

1. Thông qua báo cáo hoạt động năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018 của Hội đồng Quản trị:

- Biểu quyết đồng ý là 225.428.804 cổ phần, chiếm 99,997% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0,000% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Không ý kiến là 7.482 cổ phần, chiếm 0,003% số cổ phần tham dự Đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

2. Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017:

- Biểu quyết đồng ý là 225.428.804 cổ phần, chiếm 99,997% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0,000% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Không ý kiến là 7.482 cổ phần, chiếm 0,003% số cổ phần tham dự Đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

3. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2017:

- Biểu quyết đồng ý là 225.428.804 cổ phần, chiếm 99,997% số cổ phần tham dự Đại hội.

- Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0,000% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Không ý kiến là 7.482 cổ phần, chiếm 0,003% số cổ phần tham dự Đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

4. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

- Biểu quyết đồng ý là 225.432.633 cổ phần, chiếm 99,998% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là 3.630 cổ phần, chiếm 0,002% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Không ý kiến là 23 cổ phần, chiếm 0,000% số cổ phần tham dự Đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

5. Thông qua báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017. Báo cáo hoạt động năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018 của Ban Kiểm soát:

- Biểu quyết đồng ý là 225.428.804 cổ phần, chiếm 99,997% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0,000% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Không ý kiến là 7.482 cổ phần, chiếm 0,003% số cổ phần tham dự Đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

6. Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018:

- Biểu quyết đồng ý là 225.425.174 cổ phần, chiếm 99,995% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là 3.630 cổ phần, chiếm 0,002% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Không ý kiến là 7.482 cổ phần, chiếm 0,003% số cổ phần tham dự Đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

7. Thông qua thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017 và Kế hoạch thù lao năm 2018:

- Biểu quyết đồng ý là 224.981.064 cổ phần, chiếm 99,798% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0,000% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Không ý kiến là 455.222 cổ phần, chiếm 0,202% số cổ phần tham dự Đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

8. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty:

- Biểu quyết đồng ý là 219.651.626 cổ phần, chiếm 97,434% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là 5.620.476 cổ phần, chiếm 2,493% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Không ý kiến là 164.184 cổ phần, chiếm 0,073% số cổ phần tham dự Đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

9. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty:

- Biểu quyết đồng ý là 219.651.626 cổ phần, chiếm 97,434% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là 5.620.476 cổ phần, chiếm 2,493% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Không ý kiến là 164.184 cổ phần, chiếm 0,073% số cổ phần tham dự Đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

10. Thông qua miễn nhiệm chức danh Kiểm soát viên đối với ông Thái Ngọc Lân và ông Nguyễn Văn Hòa:

- Biểu quyết đồng ý là 221.861.686 cổ phần, chiếm 98,414% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0,000% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Không ý kiến là 3.574.600 cổ phần, chiếm 1,586% số cổ phần tham dự Đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

Trên đây là Biên bản kiểm phiếu tại ĐHĐCĐ thường niên TCT CP Vận tải Dầu khí năm 2018, được các thành viên Tổ kiểm phiếu thống nhất ký tên xác nhận và được báo cáo công khai trước Đại hội.

BAN KIỂM PHIẾU



Bùi Hữu Cơ



Lê Nguyễn Thanh Hải



Phạm Hồng Đạt

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI DẦU KHÍ
(PV TRANS)**

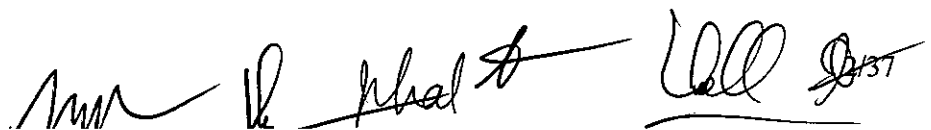
**ĐIỀU LỆ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI DẦU KHÍ**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 4 năm 2018

Nm H → Phal B LCC D

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
II. TÊN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	4
Điều 2. Tên, người đại diện theo pháp luật, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty	4
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY ..	5
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty	5
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	5
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	6
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần	6
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	6
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	7
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	7
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA TỔNG CÔNG TY	7
Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty	7
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	7
Điều 10. Quyền của cổ đông	7
Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông	8
Điều 12. Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 14. Đại diện theo ủy quyền	11
Điều 15. Thay đổi các quyền	12
Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	18
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	18
Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị	18
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	19
Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị	20
Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 26. Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 27. Chủ tịch Hội đồng Quản trị	22
Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị	23
Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	25
Điều 30. Người phụ trách quản trị Tổng công ty	25
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY	26
Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý	26
Điều 32. Người điều hành Tổng công ty	26
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	26
IX. BAN KIỂM SOÁT	27



Điều 34. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	27
Điều 35. Kiểm soát viên	27
Điều 36. Ban Kiểm soát.....	28
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY	29
Điều 37. Trách nhiệm căn trọng	29
Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	29
Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	31
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY	31
Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	31
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	32
Điều 41. Công nhân viên và công đoàn.....	32
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	32
Điều 42. Phân phối lợi nhuận	32
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	32
Điều 43. Tài khoản ngân hàng.....	32
Điều 44. Năm tài chính.....	33
Điều 45. Chế độ kế toán	33
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	33
Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	33
Điều 47. Báo cáo thường niên	33
XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY	34
Điều 48. Kiểm toán.....	34
XVII. CON DẤU	34
Điều 49. Con dấu.....	34
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	34
Điều 50. Chấm dứt hoạt động.....	34
Điều 51. Thanh lý	34
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	35
Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	35
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	35
Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	35
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	35
Điều 54. Ngày hiệu lực.....	35

 3/37

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí tổ chức chính thức vào ngày 11 tháng 4 năm 2018.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;
 - b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có);
 - c. "Luật chứng khoán" là luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;
 - e. "Người điều hành Tổng công ty" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty;
 - f. "Người quản lý khác" là người được Hội đồng Quản trị Tổng công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo các quy định tại các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;
 - g. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán;
 - h. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty
 - i. Cổ đông của Tổng công ty là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty;
 - j. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;
 - k. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
2. Điều lệ này có tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, người đại diện theo pháp luật, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty

1. Tên Tổng công ty
 - Tên giao dịch: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
 - Tên giao dịch quốc tế: PETROVIETNAM TRANSPORTATION CORPORATION
 - Tên viết tắt: PV TRANS
2. Tổng công ty là Tổng công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật

 4/37

hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty là:

▪ Địa chỉ: Tầng 2, toà nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

▪ Điện thoại: (84-28) 39111301

▪ Fax: (84-28) 39111300

▪ Website: www.pvtrans.vn

▪ Email: info@pvtrans.com

4. Tổng công ty có một người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc.

5. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ trường hợp giải thể Tổng công ty theo Khoản 2 Điều 50 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty là:

Kinh doanh vận tải dầu thô, các sản phẩm dầu khí, hóa chất, kinh doanh vận tải hàng rời bằng đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương. Tham gia đào tạo và cung ứng thuyền viên cho các tàu vận tải dầu khí. Thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác với các đối tác trong và ngoài nước. Kinh doanh dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, dịch vụ hàng hải khác. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan. Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế. Kinh doanh vận tải hàng hoá, hành khách bằng ô tô, bằng đường thủy nội địa. Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, dầu khí. Dịch vụ kỹ thuật dầu khí. Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt công trình ngầm dầu khí. Dịch vụ sửa chữa đóng mới các công trình dầu khí. Mua bán vật tư, trang thiết bị phục vụ cho ngành dầu khí và vận tải. Dịch vụ sửa chữa tàu biển. Phá dỡ tàu cũ. Dịch vụ đóng mới tàu biển và các công trình dầu khí (không hoạt động tại trụ sở). Hoạt động của cảng biển, bến tàu, cầu tàu. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản). Dịch vụ quản lý, tư vấn quản lý tàu biển. Cung ứng và quản lý nguồn lao động; cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước, cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài, cung ứng lao động tạm thời, cho thuê lại lao động. Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; kinh doanh dịch vụ, sản phẩm sinh hoạt đời sống cho các hoạt động của ngành dầu khí. Dịch vụ ăn uống khác. Các ngành nghề kinh doanh khác mà pháp luật không cấm.

2. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty: Giữ vững vị trí là Tổng công ty vận tải biển và dịch vụ hàng hải dầu khí đa sở hữu lớn nhất Việt Nam, đồng thời xây dựng phát triển trở thành thương hiệu vận tải mạnh trong khu vực và quốc tế. Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác, thương mại và các dịch vụ trong các ngành nghề kinh doanh nhằm tối đa hóa giá trị cho Tổng công ty và cổ đông. Đảm bảo quyền lợi và điều kiện làm việc tốt cho người lao động và đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Tổng công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh

 5/37

theo ngành nghề của Tổng công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.

2. Tổng công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề mà luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty là **2.814.401.620.000 VND**.

(Bằng chữ: Hai ngàn tám trăm mười bốn tỷ bốn trăm lẻ một triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành **281.440.162 cổ phần (Hai trăm tám mươi một triệu bốn trăm bốn mươi ngàn một trăm sáu mươi hai cổ phần)** với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

2. Tổng công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm **281.440.162 cổ phần phổ thông (Hai trăm tám mươi một triệu bốn trăm bốn mươi ngàn một trăm sáu mươi hai cổ phần)**, các quyền và nghĩa vụ kèm theo được quy định tại Điều 10, Điều 11 Điều lệ này.

4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Tổng công ty quyết định theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Tổng công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Tổng công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát



Điều lệ Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí

hành cổ phiếu của Tổng công ty, người sở hữu số cổ phần được ghi tăng số cổ phần tương ứng đã mua trên tài khoản lưu ký chứng khoán hoặc được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới, cổ đông được Tổng công ty cấp lại chứng nhận cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó tuân thủ đúng trình tự pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật doanh nghiệp và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tổng công ty (nếu có).

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ hoặc bị hạn chế chuyển nhượng theo phương án phát hành sẽ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Tổng công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện thông qua các hình thức bỏ phiếu biểu quyết khác theo quy định của pháp luật;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông đó và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của cổ đông đó;

The bottom of the page features several handwritten signatures and initials in black ink. From left to right, there is a signature that appears to be 'Luu', followed by 'Khal', and a large, stylized signature that includes the number '7/37'.

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Tổng công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất từ sáu (06) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị và/hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 23 và Khoản 1 Điều 34 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký sở hữu cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Các quyền khác được quy định của Pháp luật và tại Điều lệ này

Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và quy chế nội bộ về quản trị của Tổng công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị Tổng công ty làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy định cụ thể của Tổng công ty khi tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ

 8/37

chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng công ty.

Điều 12. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng Quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Tổng công ty có thể mời đại diện Công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông để giải thích các nội dung liên quan đến Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.

3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
- b. Báo cáo tài chính đã kiểm toán sáu (06) tháng hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty.
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.
- e. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Người điều hành Tổng công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này ;

b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

 9/37

c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tổng công ty;
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng Quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình của Tổng công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông của Tổng công ty;
 - l. Quyết định đầu tư, hoặc bán số tài sản Tổng công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
 - m. Quyết định mua lại từ 10% trở lên tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - n. Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

 10/3/2022

- o. Các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 13 này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của Pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Tổ chức, cá nhân là cổ đông của Tổng công ty có sở hữu ít nhất từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có thể ủy quyền tối đa cho 03 người đại diện. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông Tổng công ty không xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền cho từng người đại diện thì số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng công ty cung cấp hoặc được công chứng theo quy định của pháp luật và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức, cá nhân người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp và tỷ lệ cổ phần tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;
 - c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 14 này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về



một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 15. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có đại diện của cổ đông nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại diện như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ đại diện yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17 và Điều 18 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố bằng phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội

 2/37

Điều lệ Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí

được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn địa chỉ trang thông tin điện tử có toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên trong trường hợp đã xác định được trước ứng viên và thông tin liên quan đến các ứng viên đó;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm việc đề cử ứng viên thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên trong trường hợp chưa xác định trước ứng viên. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, chứng minh thư nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp/thông tin ứng viên (nếu có) theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 và Khoản 1 Điều 34 Điều lệ này.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

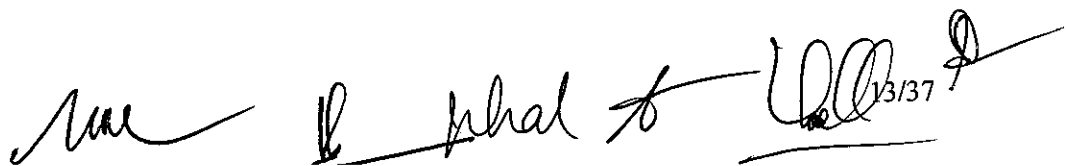
d. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba thì được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông và đại diện uỷ quyền dự họp, được coi là

 13/37

hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một (01) phiếu biểu quyết. Nội dung của phiếu biểu quyết bao gồm: họ và tên của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện của cổ đông đó, các vấn đề cần được biểu quyết. Phiếu biểu quyết phải bao gồm các nội dung cần được thông qua tại Đại hội theo chương trình nghị sự đã được thông qua. Khi được phát phiếu biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền phải kiểm tra thông tin, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết nhận được, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu. Phiếu biểu quyết được coi là hợp lệ khi có đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu trên phiếu biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền có quyền quyết định đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến bằng cách đánh dấu theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu vào ô tương ứng với lựa chọn của mình cho từng vấn đề cần biểu quyết trên phiếu biểu quyết.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung trước đó đã biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại Khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ



Handwritten signatures and initials at the bottom of the page, including a date stamp '14/37'.

đồng hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Tổng công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông tán thành:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty so với cơ cấu tổ chức quy định tại Điều 9 Điều lệ này và ngoại trừ thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này và theo quy định tại các quy chế nội bộ của Tổng công ty;
- d. Dự án đầu tư, bán tài sản của Tổng công ty hoặc ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán.

e. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Hội

 15/37

đồng quản trị và Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị sẽ quyết định phương thức biểu quyết phù hợp với các quy định tại Điều lệ này. Trường hợp biểu quyết theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử của Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.

2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.

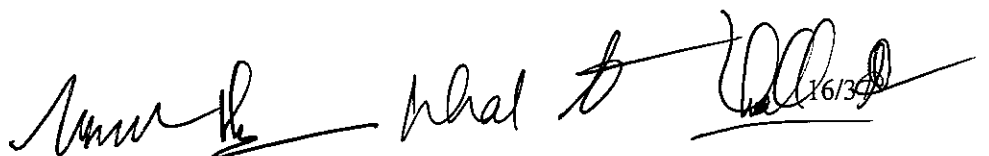
d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

 16/3/20

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Tổng công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Tổng công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày hoặc thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

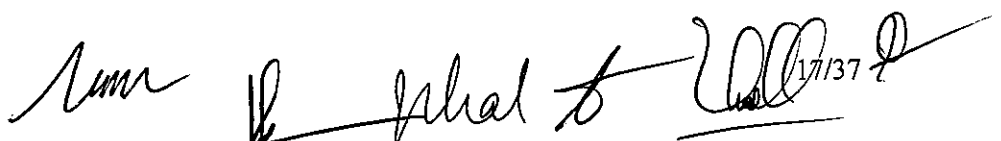
a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ

 17/37

đồng về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và/hoặc tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong vòng 24 giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

5. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại quyết định đó.

Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, hủy bỏ quyết định hoặc một phần nội dung quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 19 Điều lệ này.

2. Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung


18/37

thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng Quản trị của Tổng công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Thủ tục Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị


1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;
- b. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Tổng công ty;
- d. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có

The block contains several handwritten signatures in black ink. On the far right, there is a circular stamp with the number '19/37' inside it.

những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Tổng công ty có thể tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm thành viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Tổng công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế thành viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị đó. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

4. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
5. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi miễn các thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể không phải là cổ đông của Tổng công ty và không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư hàng năm của Tổng công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Tổng công ty, quyết định mức lương và các quyền lợi khác của họ theo quy định quản lý nội bộ của Tổng công ty. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó theo quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;
 - d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty;


20/37

Điều lệ Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí

e. Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với Người điều hành Tổng công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó;

f. Quyết định tổ chức bộ máy quản lý của Tổng công ty, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, việc thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Tổng công ty;

h. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

j. Kiến nghị mức cổ tức hàng năm và mức cổ tức tạm ứng, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền của Tổng công ty khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

n. Trình Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của Tổng công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có);

3. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị tạm phê duyệt bổ sung ngành nghề kinh doanh phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn của Tổng công ty và theo quy định của pháp luật. Việc tạm phê duyệt bổ sung ngành nghề kinh doanh phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Tổng công ty;

b. Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm của Tổng công ty.

c. Thành lập công ty con của Tổng công ty; mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn của công ty con của Tổng công ty.

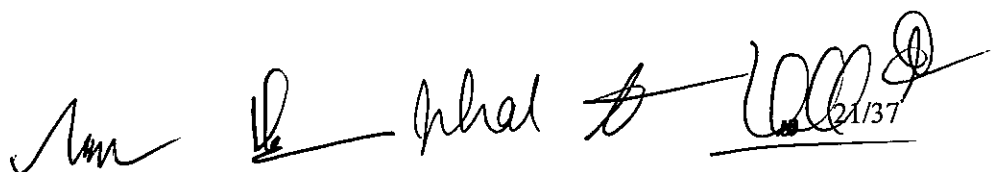
d. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 135 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của Tổng công ty;

e. Việc vay nợ, thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng công ty theo phân cấp tại các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

f. Các khoản đầu tư, thanh lý tài sản dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Tổng công ty và theo phân cấp tại các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá các tài sản góp vào Tổng công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở


21/37

hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết công nghệ và các loại tài sản phi tiền tệ khác;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Tổng công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng Quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

5. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Tổng công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.

Điều 26. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng Quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Tổng công ty, công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng Quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Tổng công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị.


Điều 27. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị bầu một thành viên của Hội đồng Quản trị làm Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ toạ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Tổng công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức, bị bãi miễn hoặc hết nhiệm kỳ thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị phải họp trong thời hạn mười (10) ngày làm việc để bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay thế. Trường hợp sau mười (10) ngày làm việc, Hội



đồng Quản trị vẫn chưa tổ chức cuộc họp để bầu Chủ tịch, Ban Kiểm soát sẽ chủ trì triệu tập tổ chức cuộc họp của Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch.

5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng công ty không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Tổng công ty.

Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị thường kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một (01) lần.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban Kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị.

3. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại Khoản 2 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 2 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

4. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng công ty.

5. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc tại địa điểm khác tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.

6. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp. Thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, nội dung các vấn đề thảo luận kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và các phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai (02) được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

8. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến


23/37

giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng Quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.

9. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

10. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được uỷ quyền theo quy định tại Khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;


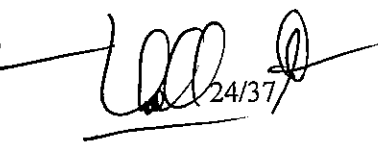
c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 39 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

11. Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Tổng công ty, thành viên Hội đồng Quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

12. Hội đồng Quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối

  24/37

ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị là phiếu quyết định.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng Quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản phải có chữ ký của tất cả chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản tham dự họp và người ghi biên bản cuộc họp hoặc biên bản có thể được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản phải có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc phụ trách về chính sách phát triển, lương thưởng, nhân sự, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định và có thể có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị/thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành có thể chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm là trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

Điều 30. Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. Hội đồng Quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty do Hội đồng Quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

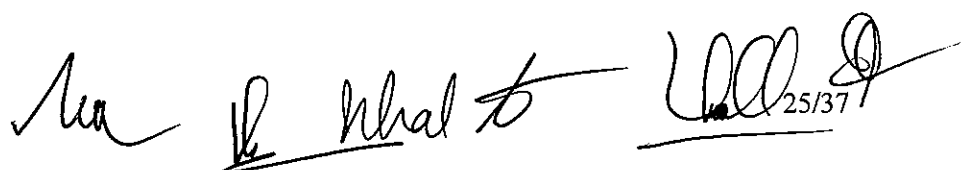
2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng Quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tổng công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;


25/37

- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm theo phân cấp trong quy chế nội bộ của Tổng công ty. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh thuộc phân cấp của Hội đồng Quản trị phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng Quản trị.

Điều 32. Người điều hành Tổng công ty

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng Người điều hành với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty do Hội đồng Quản trị quy định. Người điều hành Tổng công ty phải có trách nhiệm miễn cưỡng để Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định. Hợp đồng với những Người điều hành khác do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

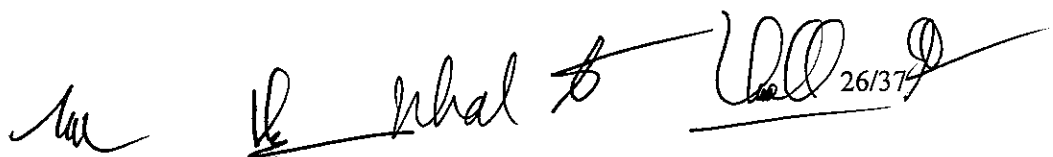
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế nội bộ của Tổng công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

 26/37

b. Quyết định các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Tổng công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng Quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng công ty;

e. Kiến nghị số lượng Người điều hành Tổng công ty mà Tổng công ty cần tuyển dụng để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ của Tổng công ty và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với Người điều hành Tổng công ty để Hội đồng Quản trị quyết định;

f. Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của các chức danh thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc theo quy định tại các quy chế nội bộ của Tổng công ty;

g. Trình Hội đồng Quản trị phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách, kế hoạch tài chính năm của Tổng công ty;

h. Chuẩn bị các bản kế hoạch dài hạn của Tổng công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn của Tổng công ty theo mục tiêu, chiến lược phát triển. Bản kế hoạch dài hạn cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng Quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế nội bộ của Tổng công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Tổng công ty, các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử, tiêu chuẩn Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 23 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Thủ tục Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên của Tổng công ty có từ ba (03) đến năm (05) người. Số lượng cụ thể các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được



bầu thi Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 20 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ và Điều lệ Tổng công ty.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng Ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Tổng công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Có đơn bằng văn bản xin từ chức gửi đến trụ sở chính của Tổng công ty;
- d. Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và Kiểm soát viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Tổng công ty có thể tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm Kiểm soát viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm Kiểm soát viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Tổng công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp tạm thời làm Kiểm soát viên để thay thế Kiểm soát viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời Kiểm soát viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm Kiểm soát viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban Kiểm soát tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Kiểm soát viên đó. Trong trường hợp Kiểm soát viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban Kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của Kiểm soát viên tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- e. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- f. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
- g. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- h. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 36. Ban Kiểm soát



1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty;
- b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- c. Giám sát tình hình tài chính Tổng công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành Tổng công ty, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
- d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành Tổng công ty, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng Quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành Tổng công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Tổng công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng Quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY

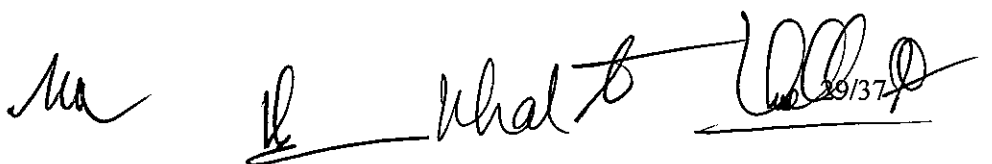
Điều 37. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành Tổng công ty có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Tổng công ty.

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định Pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.



3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tổng công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Tổng công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành Tổng công ty và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp Công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các Công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm Công ty mẹ, Công ty con hoặc Tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tổng công ty với cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ hoặc thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành Tổng công ty và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc Tổng công ty, đối tác, hiệp hội, tổ chức mà thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành Tổng công ty hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận:

a. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản Tổng công ty ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;

b. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại mục a khoản 5 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành;

c. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại mục a và mục b khoản 5 Điều này, gây thiệt hại cho Tổng công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Tổng công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó;

d. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tổng công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành Tổng công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

 30/37

Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành Tổng công ty, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Tổng công ty với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, Người điều hành Tổng công ty, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Tổng công ty, thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Người điều hành Tổng công ty, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty được Tổng công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

c. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 23 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Tổng công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Tổng công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát,

mm

kh *khai* *31/37*

báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 41. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Tổng công ty.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 42. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty.

2. Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng Quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các loại cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua các công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác;

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 43. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước

lu

Phan B *32/37*

ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Tổng công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

Điều 44. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.

Điều 45. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.

3. Tổng công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Tổng công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, Tổng công ty phải lập báo cáo tài chính năm năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này. Tổng công ty phải nộp và công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán cho cơ quan thuế, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Tổng công ty trong năm tài chính; bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty tính đến thời điểm lập báo cáo.

3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, cơ quan thuế và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 47. Báo cáo thường niên



38/37

Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 48. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng Quản trị. Tổng công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Tổng công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, được quyền nhận các thông báo, các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 49. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Tổng công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

2. Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

1. Tổng công ty có thể bị giải thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 51. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Tổng công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các luật khác, Điều lệ Tổng công ty, các quy định quy định giữa:

- a. Cổ đông với Tổng công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc hay Người điều hành Tổng công ty;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban chấp hành công đoàn Tổng công ty chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp thuận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Toà án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

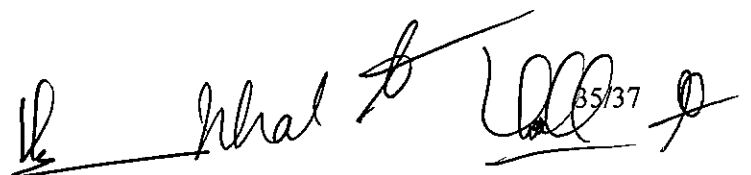
Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 54. Ngày hiệu lực

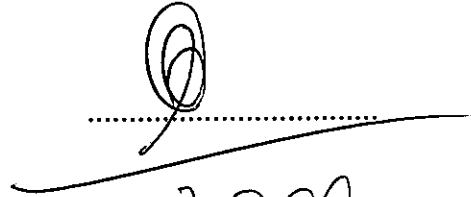


**HỌ, TÊN, CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

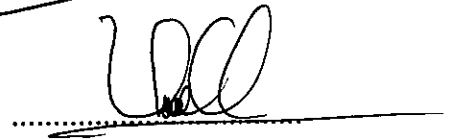
01 Nguyễn Xuân Sơn



02 Phạm Việt Anh



03 Mai Thế Toàn



04 Phạm Anh Tuấn



05 Lê Mạnh Tuấn



06 Nguyễn Quốc Phương

